

## **Phần XI**

# **MƯỜI CĂN BẢN HÀNH ĐỘNG CÔNG ĐỨC**

## **PHẦN MỘT: NHÓM “BỐ THÍ”**

*(Dana)*

## **NỘI DUNG**

1. *Bố Thí (Dana)*
2. *Những Yếu Tố Làm Tăng Ích Lợi Của Việc Bố Thí*
3. *Ý Hành Của Người Bố Thí*
4. *Sự Thanh Tịnh Của Người Nhận Bố Thí*
5. *Cúng Dường Cho Tăng Đoàn (Sanghika Dana)*
6. *Những Loại Vật Phẩm Cúng Dường*
7. *Cúng Dường Bằng Tiền Cho Nghiệp Mới (Nava Kamma)*
8. *Những Vật Phẩm Bị Cấm Cúng Dường*
9. *Những Ích Lợi Của Việc Bố Thí*
10. *Chia Sẻ hay Hồi Hương Công Đức (Patti-dana)*
11. *Hồi Hương Công Đức Cho Những Người Đã Khuất*
12. *Cúng Dường Thức Ăn Để Hồi Hương Công Đức Cho Ai?*
13. *Ngạ Quỷ Có Thể Hưởng Được Thức Ăn Dâng Cúng Cho Họ Hay Không?*
14. *Những Loại Chúng Sinh Nào Có Thể Nhận Được Công Đức Hồi Hương?*
15. *Phong Tục Người Trung Hoa Đốt Hàng Mã Bằng Giấy Để Cúng Cho Người Chết*
16. *Cùng Hoan Hỉ Với Công Đức Của Người Khác*
17. *Sách & Tài Liệu Tham Khảo*

## I

### Bồ Thí (*Dana*)

“*Dana*”: Bồ Thí. Bồ Thí là từ quen dùng trong nhà Phật, có nguồn gốc là tiếng Hán-Việt, đơn giản có nghĩa là: **Cho, Cho Đi, Tặng, Hiến, Giúp, Cúng Dường**.

Riêng chữ “**bồ thí**” ở Việt Nam cũng bị hiểu lầm khá nhiều, nhất là những Phật tử không thật sự hiểu biết về kiến thức nhà Phật và những người không học đạo Phật thường hiểu từ “Bồ Thí” theo một nghĩa “không đẹp”.

Nhiều người thường nhầm lẫn là khi một người thấy một người khác trở nên quá nghèo nàn, mặt vụn, hay đang trong lúc khó khăn đến xin giúp đỡ, thì người này mới bỏ ít tiền của cho người kia, dù trong lòng có thể thích hay ghét người kia. Thái độ là: ‘Tôi bồ thí hay thí cho ông đó’. Còn đối với người nhận của cho, của tặng, hay của giúp đỡ, dù là thiện hay bất thiện, thì người khác thường có thái độ với anh ta là: ‘Ông sống bằng của bồ thí, sống chờ người ta thí’. Lúc này, chữ “bồ thí” không còn ý nghĩa tốt đẹp và cao cả của ‘sự hào hiệp’, ‘sự chia sẻ’ của nó nữa. Hình như người ta nghĩ chữ “bồ thí” là một hành động ‘cho cho bỏ ghét’ hay ‘cho với lòng khinh khi’ hơn là chữ “cho, tặng, chia sẻ, hay cúng dường’ với lòng kính trọng, sự tôn kính, hay sự thương mến, hay sự bi mẫn”.

Đâu đó cũng thường có những thành phần ngoại đạo cực đoan hoặc không hiểu thấu về ý nghĩa của đạo Phật cũng thường cho rằng những bậc xuất gia (Tăng, Ni) cũng sống bằng của ‘bồ thí’ theo nghĩa ‘tiêu cực’ này. Những người có suy nghĩ như vậy thì quả thực là vô phúc và đáng thương.

Vậy sao chúng ta không nên tránh bỏ cái chữ “**bố thí**” vốn đã bị hiểu lầm rất nhiều này? Dù biết vậy nhưng chúng ta vẫn cần phải giữ lại chữ này và dùng ‘xen kẽ’ với những chữ “cho”, “tặng”, “cúng dường” bởi vì chữ “bố thí” (HV) đã được dùng rất lâu và quen thuộc trong giới Phật tử, đặc biệt trong giới những Phật tử kính đạo thường xuyên thực hiện hạnh công đức này đối với Tăng Ni, người nghèo khó và xã hội.<sup>1</sup>

Theo lời giảng của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề:

---

<sup>1</sup>Theo cư Sĩ TS. Bình An Sơn trong bài “*Về hạnh Bố Thí*”: “Bố Thí” là chữ Hán-Việt, gồm chữ “Bố” và chữ “Thí”. “Bố” là bày ra, ban rộng ra, trải đều ra; như trong những chữ: ban bố, phân bố, công bố. “Thí” còn đọc một âm khác là “Thi”, nghĩa là thực hiện, áp dụng, làm ra; như trong những chữ: thí nghiệm, thí điểm, thí công. “Bố thí” có nghĩa là làm cho rộng ra, trải rộng ra, phân chia cùng khắp.

Từ đó, “Bố Thí” mang một ý nghĩa là: chia sẻ, san sẻ. Tiếng Anh thường dịch là: Giving, Donating, Sharing. Trong tiếng Pali là “càga”, tiếng Phạn là “dàna”. “Dàna” thường được phiên âm là “Đàn-na”, “Đàn-na Ba-la-mật” (hạnh Ba-la-mật về Bố Thí). Trong kinh sách, đôi khi chúng ta thấy có sự dùng chữ kết hợp âm tiếng Phạn và tiếng Hán. Thí dụ như chữ “Đàn chủ”: Đàn là từ chữ Phạn “Dàna”, Chủ là tiếng Hán. Đàn Chủ là người bố thí, cúng dường, tiếng Pali là “Dānapati”, cũng còn được gọi là “Thí Chủ”. Chữ “Thí” ở đây là nói tắt từ chữ “Bố Thí”. Trong thuật ngữ Phật học, chữ “Thí” không còn mang nghĩa đen là “làm, thực hiện”, mà thường được hiểu như là chữ tắt của “Bố Thí”. Ngoài ra, các chữ khác liên quan đến “Bố Thí” như là: Đàn-na tín thí, **cúng** thí thực, thí cô hồn, tài thí, pháp thí, v.v. (ND).

“Việc thực hành bố thí (dana) hay cho, tặng, cúng dường... được khắp nơi cho là một trong những đức-hạnh căn bản nhất. Mặc dù đức-hạnh này không phải là một phần của Bát Chánh Đạo hay một điều-kiện tiên quyết để đưa đến giác-ngộ, nhưng đức-hạnh này chiếm một vị trí rất quan trọng và cao đẹp trong giáo lý của Đức Phật, là **nơi xuất-hành** của con đường giải thoát.

“Đối với những người mới đến học đạo, Đức Phật thường giảng giải về những đức-hạnh trong đó có hạnh **Bồ Thí** (dana-katha) là **đầu tiên**. Chỉ sau khi người đó hiểu được, trân trọng và cảm phục sự cao đẹp của đức-hạnh này, thì Phật mới chuyển sang thuyết giảng về những đề tài khác của giáo lý”.

(a) Thứ nhất, “cho đi” hay “bồ thí” là đức-hạnh đầu tiên trong “10 hạnh Ba-la-mật” mà một vị Phật đã phải hoàn thiện. Trong 10 căn-bản của hành-động công đức này, “bồ thí” cũng là **căn-bản “đầu tiên”** mà những người làm công đức phải nên thực hành trước.

► Vì vậy, nếu đường đi đến giác-ngộ được cho là vô cùng công phu, thì việc đầu tiên một người cần phải làm là thực hành **hạnh bồ-thí**. Giống như bước xuất hành. Vì sao? Đơn giản vì đây là vũ khí sắc bén để chiến đấu với tâm **Tham**, một trong những phẩm chất bất thiện chính tạo nghiệp và khổ đau trùng trùng cho chúng ta! Có thể nói: **Tham** là một trong những bản chất bất thiện lớn nhất mà tất cả mọi người cần phải vượt qua trên con đường tu hành và hướng thiện.

(b) Thứ hai, như đã nói, hạnh “Bồ Thí” hay “sự cho-đi” nếu được đi kèm với tâm thiện (ý thiện, tâm hướng thiện) thì

tâm thức người đó sẽ được tái sinh vào cõi phúc lành và ít đau khổ trong kiếp sống tương lai.

(c) Thứ ba và quan trọng nhất, khi việc “Bồ Thí” được đi kèm với tâm ý “*trong tâm trạng thánh thiện*”, nó sẽ thành điều-kiện (trợ duyên) để tu tập phần **Giới-Hạnh**, tu tập phần **Thiền-Định**, và tu tập phần **Trí-Tuệ**. **Giới Định Tuệ** là 03 phần quan trọng của **Bát Thánh Đạo**, chúng có khả năng dẫn đến sự chấm-dứt khổ.

## II

### Những Yếu Tố Làm Tăng Ích Lợi Của Việc Bồ Thí

Việc tu dưỡng công-đức cũng giống hệt như nghề trồng trọt vậy. Theo quyển sách “*Manual of Right Views*” (*Cẩm Nang Về Chánh-Kiến*) của nhà sư Ledi Sayadaw, đối với sự gieo trồng, thì đơm hoa kết trái phải nhờ vào những nguyên-nhân và điều-kiện (nhân và duyên) cơ bản, đó là:

- (1) *Do Nguyên-Nhân gốc, do Căn (Hetu).*
- (2) *Do Điều-Kiện hỗ trợ, do Duyên (Paccaya).*
- (3) *Do Thành-Phần của vật phẩm bồ thí (Sambhara).*

Một người gieo trồng khôn khéo sẽ luôn chọn những **hạt giống tốt nhất** để gieo trồng. Người đó cũng sẽ chọn **đất đai tốt**, màu mỡ để cày bừa và gieo trồng trên đó. Người đó cũng chọn **vụ mùa thích hợp** để bảo đảm về lượng mưa, ánh sáng mặt trời, gió... để cây lớn lên và ra trái được. Bằng cách này, người đó sẽ có được **vụ thu hoạch tốt**.

Tương tự như vậy, hành-động “bồ thí” cũng bao gồm 03 yếu tố để thành tựu được một sự “bồ thí” thiện lành. Đó là:

- (1) Ý định<sup>2</sup> hay tâm ý hay ý muốn “bồ thí” phải đi kèm với 02 hay 03 **căn-thiện** (Không Tham, Không Sân,

---

<sup>2</sup> Xin nhắc lại, tùy theo từ ngữ được dùng trong những cách hành văn hoặc được dùng bởi nhiều dịch giả và các thầy khác nhau, nhưng các từ “tâm ý”, “ý định”, “ý hành”, “tác ý”, hay thậm chí “tâm hành” đều chỉ *sự cố-ý* hay *tu* (cetana). Chỗ này đang nói về “ý định” hay “ý muốn” thực hiện việc bồ thí (cetana dana). (ND)

Không Si). Đó là nhân bản chất, nhân thuộc về **căn** (*hetu*).

- (2) Sự thanh-tịnh của người nhận là nguyên-nhân hỗ trợ, là điều-kiện, là **duyên** (*paccaya*). Sự thanh-tịnh là sự trong sạch, sự tốt đẹp, phẩm hạnh của người nhận khi nhận “bồ thí”.
- (3) Loại và mức độ lớn nhỏ của vật phẩm được “bồ thí” là một nguyên-nhân **thành phần** (*sambhara*) nữa.



### III

## Ý Định Bồ Thí, Cho, Tặng, Hiến, Chia Sẻ

“**Ý-Định**” bồ-thí là yếu tố *quan trọng nhất*. Đó là nguyên nhân gốc, thuộc về căn thiện, nếu không có nó thì sẽ không có hành-động bồ-thí nào được thành tựu cả. Nó giống như hạt giống, nếu không có hạt giống thì không còn câu chuyện về gieo trồng, cày bừa, tưới tốt... để làm gì cả, vì chẳng có cái gì để tạo ra trái quả hết. (*Trong thế gian và toán học, nó được gọi là điều-kiện “cần”, tức là cần phải có trước.* ND).

Và vì chất lượng trái quả sau này là phụ thuộc vào **chất lượng của hạt giống** ban đầu, nên kết quả lợi ích của việc làm bồ thí cũng phụ thuộc vào **bản chất của “ý định”** (hay còn gọi là “*ý-hành bồ-thí*”) **trước khi, trong khi, và sau khi** thực hiện việc bồ-thí.

### (1) Ý-Định Trước Khi Làm (*Pubba-cetana*):

Đó là những ý định, tâm tư, ý muốn *trước khi* hành-động bồ thí, cho, tặng... xảy ra, lúc này có thể người bồ thí (thí chủ) đang dự tính mua sắm hay chuẩn bị vật phẩm bồ thí.

(*Đó có thể là nhiều ngày với ý định lành mạnh, hoan hỉ với việc bồ thí cúng dường, nhưng cũng có thể là một khoảnh khắc ngăn ngừa một người suy tính mình đang có gì, quà tặng hay tiền, để quyết định thực hiện việc góp tiền từ thiện, cứu đói nghèo, thiên tai ở nơi trên đường người ấy đang đi qua... Một người có ý định bồ thí vì để ‘làm đẹp’ với bạn bè hay mọi người thì ý định này không gieo được kết quả tốt của việc bồ thí, thậm chí còn đáng bị chê trách; nhưng với một người số tiền rất ít nhưng có ý định góp phần bồ thí cứu nạn là do lòng*

*bi miễn của mình, thì kết quả của việc bố thí đó sẽ tốt hơn và công đức nhiều hơn).*

### **(2) Ý-Định Trong Khi Làm (*Munca-cetana*):**

Đó là những ý **định**, ý **muốn**, **tâm tư** thực hiện việc bố thí ngay trong lúc bố thí. Đó là tâm ý buông bỏ, cho đi, dâng tặng, không giữ lại, mong muốn người kia nhận lấy. Điều này góp phần tạo nên một hành động bố thí đích thực, chân thực.

*(Nhiều người thông qua ý nghĩa giúp người, cúng dường, cho tặng rất cao đẹp và đã có ý định lành mạnh trước khi thực hiện hành động bố thí. Tuy nhiên, ngay trong khi hành động bố thí đang xảy ra, việc chuyển giao đang diễn ra, có người khởi sinh tâm tiếc nuối, không muốn buông bỏ, không muốn cho đi, bởi những lý do nào đó. Điều này đã làm suy yếu công đức và kết quả của việc bố thí cúng dường. Ở đâu đó, ngay cả trong lúc hoạn nạn, nhiều người hoàn toàn phát tâm mạnh mẽ đi đến bố thí cho người đang khó khăn, nhưng khi đến nơi thấy nhiều người đóng góp, bố thí rồi, nên không cần cho nhiều nữa. Và một số thí chủ đã quyết định không bố thí nữa hay giảm giá trị bố thí xuống. Điều đó cũng trở thành vô nghĩa, bởi vì sự bố thí xuất phát từ tâm hướng thiện, từ lòng bi miễn của mình chứ không phụ thuộc vào số lượng người khác đã bố thí, cho, tặng).*

### **(3) Ý Hành Sau Khi Làm (*Apara-cetana*):**

Đó là những ý **định**, tâm ý *sau khi* thực hiện hành động bố thí, cho, tặng ; tâm của người bố thí luôn nghĩ về điều đó với một lòng hoan hỉ, vui mừng, mãn nguyện và cảm thấy tư cách của mình được nâng lên một bậc bởi tâm hướng thiện đang được tăng trưởng.

*(Điều quan trọng nhất là sau khi bố thí, người bố thí không được tiếc nuối, hối hận, hay không vui lòng khi đã bố*

thí. Nếu người bồ thí có như vậy thì sự bồ thí đó cũng không gặt hái được kết quả gì từ hành động bồ thí đó, cho dù trước khi và trong khi làm, tâm ý đều hoan hỷ mạnh mẽ).

Như đã thảo luận trong **Chương V (Những Loại Nghiệp Thiện)**, những ý-định hay tâm-tư nên được đi kèm với sự hiểu-biết đúng đắn về quy luật Nhân Quả; và người bồ thí phải **vui vẻ, hoan hỷ trước khi** bồ thí, có một trạng thái tâm **trong sáng, trong sạch, thanh tịnh trong khi** thực hiện hành động bồ thí, và phải **vui mừng, mãn nguyện sau khi** làm xong việc bồ thí.

#### (a) Ý-Định Thấp Kém, Trung Bình và Ưu Việt:

Bây giờ xin nói lại, tùy thuộc vào mức độ cao thấp khác nhau của những ý-định hay tâm-tư bồ thí mà chúng được phân loại thành 03 hạng khác nhau, đó là: Ý-định **thấp kém (Hina)**, Ý-định **trung bình (Majjhima)**, và Ý-định **ưu việt (Panita)**.

Những ý-định là thấp kém khi 4 **yếu tố tiềm năng (Iddhipada)** là: **Sự mong-muốn (chanda)** thực hiện, **tâm thức (citta)**, **sự nỗ-lực (viriya)**, và **sự-biết** (quán tuệ), thì rất yếu ớt trong hành động bồ thí. Trong khi đó, những ý-định trung bình hoặc ưu việt là 4 yếu tố tiềm năng khi thực hiện việc bồ thí là trung bình hoặc mạnh mẽ.

Và nữa, những ý-định trở nên yếu ớt, thấp kém khi việc bồ thí từ thiện được thực hiện với những ý nghĩ không thanh tịnh và ô nhiễm, tức là không chân thật từ lòng bi mẫn và tâm hướng thiện, mà chỉ làm việc bồ thí từ thiện vì tham nghĩ đến nghiệp quả được phước đức giàu sang, tham được tái sinh về cõi phúc lành như cõi người và cõi chư thiên trong kiếp sống tương lai. Đó là dạng bồ thí “có ý đồ” muốn được đền đáp bằng nghiệp quả tốt cho bản thân mình.

Những ý-định trở nên mạnh mẽ ưu việt khi ý-định và mục-tiêu của việc thực hành bố thí là để chứng ngộ 04 tầng thánh Đạo (*magga*), 04 tầng thánh Quả (*phala*), và Niết-bàn (*nibbana*), cùng với tâm-nguyện mong muốn tất cả những chúng sinh hữu tình cũng được giải thoát khỏi sự khổ đau và chứng ngộ Niết-bàn.

Thực hành bố thí theo cách này là cách để hoàn thiện **Hạnh Bố Thí Ba-la-mật**, hạnh Ba-la-mật cao nhất. Căn bản bố thí được thực hành cùng lúc với những căn bản hành động công đức khác, như giới-hạnh và thiền-tập.

### (b) **Bố Thí Ưu Việt** (*Sappurisa Dana*)

Còn gọi là bố thí cao thượng, tức cách bố thí của người thánh thiện, cao nhân (*sappurisa*), thánh nhân, là cách bố thí mang ý nghĩa ưu việt nhất.

Giống như một nhà nông khôn ngoan luôn chọn những hạt giống tốt để gieo trồng, người bố thí khôn ngoan cũng tu dưỡng theo 5 nguyên tắc thực hành của **bậc thượng nhân** (*sappurisa*), đó là:

- (1) **Bố Thí với Niềm-Tin** (*Saddha Dana*): Bố thí với niềm-tin vào quy luật nhân-quả.
- (2) **Bố Thí với Sự Chu đáo Kính Cẩn** (*Sakkacca Dana*): Bố thí với lòng kính cẩn, với phẩm vật được chuẩn bị một cách chu đáo, đầy lòng tôn trọng đối với người nhận.
- (3) **Bố Thí Hợp Thời** (*Kala Dana*): Bố thí vào những lúc thích hợp, chẳng hạn: cúng dường cơm nước thì nên cúng trước giờ Ngọ, cúng dường vải may y thì nên cúng vào dịp Lễ Dâng Y ...

- (4) **Bồ Thí với Tâm Buông Xả Vô Tư** (*Anaggahita-citta Dana*): Bồ thí một cách ‘tự do’, vô tư, không còn dính chấp gì hay tiếc nuối gì hay suy nghĩ gì về giá trị vật chất của phẩm vật bồ thí nữa. Động cơ bồ thí là hoàn toàn trong trẻo, thanh tịnh, nhằm mục đích chia sẻ, giúp đỡ người nhận.
- (5) **Bồ Thí bằng Sự Trang Nghiêm Đứng đắn** (*Anupaghata Dana*): Bồ thí một cách trang nghiêm, đàng hoàng, trân trọng, không mảy may để ảnh hưởng đến tư cách của người cho và người nhận.

Về công đức và nghiệp quả, các kinh có ghi những điều như sau:

(a) Những ai thực hành cách bồ thí **ưu việt** của bậc thượng nhân (*sappurisa dana*) thì sẽ được giàu có, sung túc.

(b) Thêm vào đó, bồ thí với **niềm-tin** (vào quy luật nhân-quả) thì diện mạo sẽ được sáng sủa và đẹp đẽ.

(c) Bồ thí với sự **kính cẩn chu đáo** thì sẽ mang lại phúc lành cho những người theo mình như: vợ, con, người làm... và họ cũng sẽ trở nên chu đáo và quan tâm tốt cho mình.

(d) Bồ thí **hợp thời** thì nghiệp quả tốt và những cơ duyên tốt sẽ xảy ra đúng những lúc cần thiết.

(e) Bồ thí với **tâm buông xả, vô tư, không còn dính chấp** thì sẽ được hưởng nghiệp quả tốt một cách đầy đủ.

(f) Cuối cùng, bồ thí **không khoe khoang, không tỏ vẻ thương hại, không làm tổn thương phẩm cách người nhận hay người khác** thì tài sản của người bồ thí sẽ được

bảo hộ không bị 05 nguy cơ mất mát, đó là: lũ lụt, hỏa hoạn, trộm cướp, vua chúa tịch thu, và những người thừa kế bất nghĩa (nghịch tử, người thân phản bội) phá hoại.



- (c) Tiếp theo là sự cúng dường cho những tu sĩ khổ hạnh không phải là Phật tử (vào thời Đức Phật–ND) nhưng họ đã chứng đắc được 05 năng-lực tâm linh siêu phàm (thần thông) và họ tin vào luật nhân-quả.
- (d) Sau đó là sự cúng dường cho một người đức-hạnh (có giới-hạnh); một người không đức-hạnh; và cuối cùng là súc vật.

Lý do có sự phân biệt theo thứ tự này là do khi cúng dường cho một người, **sự thanh tịnh, sự trong sạch của người nhận là quan trọng**. Điều này là bởi vì có **04 Dạng Thanh Tịnh Của Việc Cúng Dường**, đó là:

- (1) Sự cúng dường được thực hiện bởi **người bố thí thanh tịnh**, nhưng **người nhận thì không thanh tịnh**. Thậm chí ngay khi người nhận không có đức-hạnh, nhưng người cúng dường là người đức-hạnh và việc cúng dường được thực hiện một cách đúng đắn, với ý-định thánh thiện trước khi, trong khi, và sau khi cúng dường, với đầy đủ niềm-tin về luật nhân-quả, thì sự bố thí cúng dường đó đã được người bố thí cúng dường đó làm cho thanh tịnh, và nhờ vậy sẽ mang lại kết quả tốt.
- (2) Sự cúng dường cho **người nhận thanh tịnh**, nhưng **người cúng dường thì không thanh tịnh**. Thậm chí nếu người cúng dường không có đức-hạnh và cũng không thực hiện việc cúng dường một cách đúng đắn, không có ý-định tốt thiện nào trước khi, trong khi, và

---

Lưu, Nhất Lai, Bát Lai và A-la-hán, và 04 hạng người đã chứng ngộ 01 trong 04 thánh quả đó.



sau khi cúng dường, và cũng không có niềm-tin vào quy luật nhân-quả, nhưng nếu người nhận là một người đức-hạnh, thì việc cúng dường đó đã được làm thanh tịnh bởi người nhận, và sẽ mang lại kết quả tốt.

- (3) Việc cúng dường **không thanh tịnh từ người cúng dường, cũng không thanh tịnh từ người nhận**. Khi người cúng dường không có đức-hạnh và cúng dường những vật phẩm không thanh tịnh cho một người nhận cũng không thanh tịnh, không có ý-định tốt lành trước khi, trong khi, và sau khi cúng dường, và không có niềm-tin về quy luật nhân-quả, thì sự cúng dường đó không có sự thanh tịnh và sẽ không mang lại kết quả nào tốt; giống như những *hạt giống* chất lượng *xấu*, được trồng trên một *miếng ruộng xấu* thì cây sẽ không lớn lên tươi tốt, và cũng *không đơm hoa kết quả* gì tốt cả.
- (4) Việc cúng dường được thực hiện bởi **người cúng dường thanh tịnh cho người nhận thanh tịnh**. Khi người cúng dường là người đức-hạnh, thì việc cúng dường một cách đúng đắn cho người nhận là người có đức-hạnh, với ý-định thiện lành trước khi, trong khi, và sau khi cúng dường, và với niềm-tin vào quy luật nhân-quả, thì sự cúng dường đó đã được làm thanh tịnh bởi cả người cúng dường và người nhận, và sẽ mang lại kết quả tốt đẹp; giống như những *hạt giống tốt*, được gieo trồng trên một *miếng ruộng tốt*, thì cây sẽ lớn lên tươi tốt, và sẽ *đơm hoa kết quả tốt nhất*.

## V

### Cúng Dường Cho Tăng Đoàn

(*Sanghika Dana*)

Việc cúng dường cho *Thánh Tăng Đoàn* (*Ariya Sangha*) là mang lại kết quả to lớn nhất, bởi Tăng Đoàn là **cánh đồng công đức vô song**, là **phước điền vô thượng** ở trên đời.

Việc cúng dường Tăng Đoàn (*Sanghika dana*) có thể được chia thành 07 dạng vào thời Đức Phật còn tại thế, và khi đó cũng đã có Ni Đoàn các Tỳ kheo Ni. Đó là:

- (1) Cúng Dường Tăng Đoàn và Ni Đoàn do Đức Phật dẫn dắt.
- (2) Cúng Dường Tăng Đoàn và Ni Đoàn sau khi Đức Phật *bát-niết-bàn*.
- (3) Cúng Dường chỉ Tăng Đoàn Tỳ kheo.
- (4) Cúng Dường chỉ Ni Đoàn Tỳ kheo Ni.
- (5) Cúng Dường một số hay một nhóm Tăng và Ni (nhưng trong tâm nghĩ đến cả *Tăng Đoàn*) sau khi đã hỏi Tăng Đoàn chọn ra một số tăng để dâng cúng những phẩm vật cúng dường.
- (6) Cúng Dường một số hay một nhóm Tăng (nhưng trong tâm nghĩ đến cả *Tăng Đoàn*) sau khi đã hỏi Tăng Đoàn chọn ra một số tăng để dâng cúng những phẩm vật cúng dường.
- (7) Cúng Dường một số hay một nhóm Ni (nhưng trong tâm nghĩ đến cả *Tăng Đoàn*) sau khi đã hỏi Ni Đoàn

chọn ra một số ni để dâng cúng những phẩm vật cúng dường.

► Ngày nay, chỉ còn lại **02** dạng cúng dường Tăng Đoàn phổ biến, đó là: (1) Cúng dường cho cả Tăng Đoàn trong một tự viện (thiền viện, chùa) và (2) Cúng dường cho một số Tăng hoặc Ni đại diện cho Tăng Đoàn đó. Ngay cả **một Tỳ kheo hay một nhà sư cũng có thể đại diện cho một Tăng Đoàn** của một tự viện hay một vùng hay một chi giáo hội Phật giáo nào đó.

Trong việc cúng dường Tăng Đoàn, thì sự thanh tịnh của cá nhân các Tăng (hay Ni) là không quan trọng, bởi vì những Tăng (hay Ni) được cử ra nhận cúng dường đó không đại diện cho cá nhân của mình. Họ chỉ là những biểu tượng (*nimitta*) giúp cho người cúng dường hay thí chủ liên tưởng trong tâm đến người nhận cúng dường là *Thánh Tăng Đoàn* (*Ariya Sangha*), giống như **thánh Tăng Đoàn** của các vị Đệ Tử và những A-la-hán vào thời Đức Phật vậy.

Theo ghi chép trong các Luận Giảng, có một câu chuyện về một vị Tỳ kheo không có đủ đức-hạnh đã được cử đi đại diện cho Tăng Đoàn để nhận cúng dường. Người thí chủ đã biết rõ về những thói-tật xấu và thiếu đức-hạnh của vị tăng này, nhưng ông vẫn tiếp tục phụng sự vị tăng với đầy đủ sự kính cẩn, tôn kính và chăm sóc vị tăng một cách đặc biệt, bởi vì vị tăng này là đại diện của Thánh Tăng Đoàn và ông đang thực hiện việc cúng dường cho Thánh Tăng Đoàn. Bằng cách này, người thí chủ đã tạo được những công đức rất lớn lao, vì ý-định (tâm tư) cúng dường của ông là cúng dường cho cả thánh Tăng Đoàn chứ không phải riêng cho vị tăng đó.

Một sự thật theo ghi chép trong “*Kinh Cúng Dường Phân Biệt*” (*Dakkhinaṅgaha Sutta*) nói trên, Đức Phật đã truyền dạy ngài Ananda như sau:

“Vào những thời sau này, này Ananda, sẽ có những phần tử của một nhóm phái, họ là những người mặc y vàng đến tận cổ<sup>4</sup> nhưng không có đức-hạnh, mà bản chất xấu ác. Người ta cúng dường phẩm vật cho những người tà hạnh này<sup>5</sup> **như là đại diện cho Tăng Đoàn**. Ngay cả khi như vậy, ta nói rằng, việc cúng dường cho tăng đoàn như vậy cũng là công đức vô lượng, phước báu vô biên. Và ta nói rằng, việc cúng dường cho bất kỳ cá nhân nào cũng không bao giờ tạo công quả lớn lao hơn là việc cúng dường cho Tăng Đoàn.”

---

<sup>4</sup> Ở đây, Đức Phật chỉ những người mặc y cà sa vàng đến tận cổ, tức y phục Tỳ kheo, nhưng họ không phải là những tu sĩ đức-hạnh. Chũ này Phật cũng có dùng trong *Kinh Pháp Cú*, kệ số 307, có ghi lại như sau:

*Kaasaavaka.n.thaa bahavo paapadhammaa asannataa  
Paapaa paapehi kammehi niraya.m te upapajjare.  
Nhiều người y vàng đến cổ; Ác hạnh không điều phục  
Kẻ ác do nghiệp thúc; Phải đọa địa ngục thôi. (ND)*

<sup>5</sup> Một điều trùng hợp, như Đức Phật đã tiên liệu, là vào thời có Vua Asoka (A-dục vương) rất kính mộ và bảo trợ Phật giáo, nhà Vua đã chỉ đạo nhiều nguồn lực cũng như chính bản thân mình thường xuyên chăm lo, cúng dường cho Tăng Đoàn. Vì vậy có rất nhiều người giả dạng Tỳ kheo, khoát y vàng, chen vào Tăng Đoàn để được cúng dường, phụng dưỡng về vật chất. Về sau, vị thánh tăng Đại A-la-hán *Moggaliputta Tissa* (*Mục-kiền-liên Tử Đế Tu*) đã quay lại, và theo yêu cầu và bảo trợ của vua Asoka, ngài đã loại bỏ những phần tử tà hạnh này ra khỏi Tăng Đoàn. Xem thêm Chương XVI. (ND)

## VI

### Những Loại Vật Phẩm Bồ Thí, Cúng Dường

Yếu tố thứ ba ảnh hưởng đến việc bồ thí, cúng dường chính là vật phẩm được bồ thí, cúng dường. Những vật phẩm được bồ thí hay cúng dường ở đây có thể là dạng **vật chất** hay **phi vật chất**.

#### (A) Bồ Thí Phi Vật Chất:

(a) **Những lời dạy về Giáo Pháp** (*Dhamma*) bằng hình thức lời giảng hay văn bản (gồm các kinh, luận giảng, sách...), hay **những chỉ dạy hướng dẫn về Thiền tập** là *những món quà phi vật chất* hay còn gọi là sự “**bồ thí Pháp**”. Đức Phật đã luôn luôn nói rằng: “*Món quà Giáo Pháp là cao quý hơn tất cả mọi món quà khác*”, có nghĩa những “**Món quà về Chân Lý (Giáo Pháp) là món quà cao quý nhất**”, vì Giáo Pháp là những chân lý của Đức Phật phát minh và truyền dạy cho chúng ta.

(b) Những người chưa đủ trình độ hay căn cơ hay phẩm hạnh để giảng dạy giáo pháp thì cố gắng **cho, tặng, ấn tống** những kinh sách để truyền bá giáo pháp cho mọi người.

(c) Trong Bộ Kinh Tăng Chi (AN iv, 245), Đức Phật còn dạy chúng ta rằng, nếu chúng ta kiêng giữ Năm Giới-Hạnh thì coi như chúng ta đã ban tặng bồ thí cho mọi người và chúng sinh xung quanh **05 món quà quý giá**. Khi bạn giữ năm-giới là bạn đã ban tặng **sự không sợ-hãi (yên tâm), sự vô-hại, lòng từ-bi, và sự thiện-chí** cho tất cả chúng sinh bằng những đức-hạnh của mình.

#### (B) Bồ Thí Vật Chất:

Những vật phẩm cúng dường bằng “vật chất” cũng rất quan trọng trong việc bố thí, cúng dường. Kinh điển đã ghi lại nhiều loại hay hình thức bố thí, cúng dường khác nhau, tùy theo những vật phẩm khác nhau được cúng dường:

- (a) Để các Tỳ kheo tuân thủ nghiêm ngặt, Luật Tạng (*Vinaya*) đã ghi rõ **04 phương tiện cần thiết nhất**, đó là: **Y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men**, mà những thứ này có rất nhiều điều luật giới luật chi phối nhằm mục đích giữ cho Tăng Đoàn Tỳ kheo được thanh tịnh và lành mạnh. Những Phật tử tại gia nếu có hiểu-biết về những giới-luật Tỳ kheo này, thì có thể cúng dường tạo phúc đức vô lượng, bằng cách **bố thí, cúng dường những vật phẩm thích hợp vào những thời gian thích hợp cho Tăng Đoàn**.
- (b) Trong các kinh Phật nói được ghi chép lại có đề cập đến **10 loại vật phẩm cúng dường**, đó là: **Thức ăn, thức uống, y vải, chỗ ở, phương tiện vận chuyển, hoa, bột hương chiên đàn, dầu thoa, giường, và đèn thấp sáng**.
- (c) Trong *Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)* chuyên về phân cao sâu của những hiện-tượng tâm linh và vật lý, thì mọi sự vật trên đời này có thể được phân loại theo 06 cơ-sở cảm-nhận (giác quan) và 06 đối-tượng của chúng. Vì vậy, **những phẩm vật được bố thí, cúng dường được xếp loại là những đối-tượng của các giác-quan**, đó là: vật phẩm là những vật nhìn thấy được, là âm thanh, là mùi hương, là mùi vị, là sự chạm xúc, và những đối-tượng thuộc tâm (*pháp*).

Sự Bồ Thí theo cách này được thực hiện bằng cách giúp đỡ những người bị đau bệnh chẳng hạn bị mất yếu, nghe không rõ, cụt tay chân... Ví dụ, phần này phân loại việc bố thí theo kiểu như: Giúp đỡ người khác khỏi bệnh mắt mờ thì gọi là **bố thí về (pháp) nhãn**. Giúp đỡ người khác hết bệnh về tai nghe không rõ gọi là **bố thí về (pháp) nhĩ**. Giúp người ta sống lâu, tăng tuổi thọ thì gọi là **bố thí về thọ mạng**.

Trong những cách bố thí được phân theo 06 giác-quan và 06 đối-tượng của chúng, thì sự bố thí đáng khen ngợi là sự hiến-máu, sự hiến-tặng những bộ phận nội tạng có thể như: thận, gan, tim, và mắt để cứu giúp người khác.

## VII

## Bố Thí, Tặng Tiền Để Sử Dụng Cho “Nghệp Mới”

**Điều Luật 10** của “*Giới-luật Tăng Đoàn*” nghiêm cấm những Tỳ kheo và Sa-di nhận bạc và vàng từ những thí chủ. Theo *Luận Giảng Kinh Tiểu Tụng*, “bạc” ở đây có nghĩa là đồng tiền bạc “*kahapana*” hay bất cứ loại tiền đồng “*masaka*” nào làm bằng kim loại, bằng gỗ, hay bằng đất sét vào thời đó... được dùng làm vật trao đổi hàng hóa, thương mại. (Nói chung là cấm nhận tiền bạc). Trong bối cảnh hiện đại, tiền ở đây bao gồm tiền mặt và cả thẻ tín dụng. Vì vậy, những tu sĩ theo Phật Giáo Nguyên Thủy (*Theravada*) đều tuân theo sự diễn dịch này trong Luật Tăng và không nhận tiền cúng thí.

Trong *Bộ Đại Phẩm (Mahavagga VI, 34, 21)* của **Luật Tăng (Vinaya)**, Đức Phật cho phép một đệ tử thí chủ tên là Mendaka ký gửi tiền vàng cho một “**người đại diện thích hợp**” của Tăng Đoàn, được gọi là *kappiya-karaka*, là một cư sĩ. Và người này sau đó sẽ mua và cung cấp những vật dụng, những thứ cần thiết cho những Tỳ kheo, là những thứ vật phẩm mà những Tỳ kheo được phép nhận theo Giới Luật. Trong các tu viện (hay chùa) cũng có người đại diện giữ tiền này, người đó gọi là “**người đại diện**”. Nhưng những tu sĩ, dù bất kỳ lý do nào đi nữa, cũng không thể nhận tiền hay muốn có tiền. Bởi vì đối với mọi nhu cầu cho phép của một tu sĩ theo Giới Luật, thì đã có người đại diện (*kappiya karaka*) lo chu cấp rồi, nên không còn lý do gì để nhận tiền hay giữ tiền nữa.

◇ Ngược lại, **trong thực tế**, đối với những Phật tử tại gia, những thí chủ cúng dường, thì thuận tiện nhất cho họ lại là



cúng dường bằng tiền, vì thật sự họ không biết được những quý thầy trong Tăng Đoàn đang cần những thứ gì. Nhiều lúc họ cũng thấy: hàng ngày nhiều người mang cúng dường và các thầy cũng nhận đủ thứ: nhiều y vải, nhiều gạo, thức ăn, nhiều thuốc bổ vitamin, nhiều xà-bông, thuốc men..., cho nên họ không biết các Tăng Ni thật sự cần những gì khác hay không, cho nên tốt nhất là họ ... cúng tiền. Hơn nữa, họ nghĩ nếu các thầy không còn thiếu gì nhiều về những vật dụng mà các thầy được phép nhận, thì cúng dường bằng tiền để các thầy giữ đó, đến khi nào các thầy cần mua cái gì thì lấy ra mua. Đó là điều thuận tiện thứ hai, theo suy nghĩ của những Phật tử thí chủ là vậy. (Và trong xã hội hiện đại tiền bạc là năng động nhất, quan trọng nhất, và tất cả mọi người khi nói gì cũng đều quy ra tiền, luôn nghe nói ‘tiền, tiền, và tiền’).

- Để giữ đúng theo giới-luật của Phật: khi những tu sĩ không thể nhận tiền và giữ tiền, thì tiền có thể được chuyển qua một Phật tử tại gia, một cư sĩ gọi là “**người đại diện**” (*kappiya karaka*) để cất giữ tiền được cúng dường. Đến khi nào cần làm việc mới, thì số tiền sẽ được đem ra dùng. Những việc mới cần sử dụng số tiền đó thì được gọi là “**nghiệp mới**” (*Nava Kamma*). Những việc mới có thể là mua thêm thực phẩm, may thêm y vải, thuốc men, xây thêm tự viện, mua thêm kinh sách Phật giáo, hoặc dùng cho mục đích đi giảng dạy, truyền bá Phật giáo như tiền lộ phí dọc đường... Mọi giao dịch tiền bạc được thực hiện qua người đại diện sau khi những Tăng Ni báo cho ông ta biết về những thứ cần thiết mới, đó là những nghiệp mới, Phật sự mới, hay công việc công quả mới cần phải được trang trải để làm.

► **Vì lẽ những tu sĩ Phật giáo không nhận tiền theo Giới Luật, nên việc cúng thí tiền, thậm chí chỉ để cất giữ để**

***dùng cho “ngiệp mới” (nava kamma), không được coi là một hành động bố thí cho Tăng Đoàn!***

Một số người vẫn cố diễn dịch là việc bố thí có ý nghĩa như là việc chu cấp, việc dự phòng “*những phương tiện cần thiết*” mà Tăng Đoàn thường cần có.

Tuy nhiên, nếu không có một phẩm vật được trao, cho, tặng đến tay một Tỳ kheo hay sư thầy đại diện đứng ra nhận, thì thiện-ý cúng dường những “*phương tiện dự phòng đó*” chỉ được coi là những “*ý-định trước khi bố thí*” (*pubba cetana*) mà thôi, như định nghĩa ở những phần trên. Hành động cúng tiền như vậy không đủ tiêu chuẩn để được gọi là một hành động bố thí hay cúng dường, không phải là một *dana*: Nó chỉ được gọi là một ý-định hay tâm-tư làm phước.

Và đó vẫn còn là tiền của thí chủ, chưa phải là ‘vật phẩm đã được nhận bởi Tăng Đoàn. Cho nên, nếu lỡ một người đại diện (*kappiya karaka*) vì hoàn cảnh nào đó biến mất, thì lúc đó là số tiền của Phật tử cúng dường bị mất hay lấy cắp, chứ không phải là ‘tiền’ hay ‘những phương tiện dự phòng’ của Tăng Đoàn bị lấy cắp.

**◆ Điều gì thí chủ cần phải thưa với Tăng Ni khi cúng dường bằng tiền và ủy thác cho một người đại diện giữ và chi dùng cho những “ngiệp mới” của Tăng đoàn?**

*“Kính thưa quý Thầy, chúng con ủy thác số tiền này cho người đại diện của chư Tăng (Ni) để dùng vào những Nghiệp Mới như mua sắm những vật dụng và phương tiện cần thiết được phép cho chư Tăng (Ni). Khi nào quý thầy cần những vật dụng, phương tiện nào, xin quý thầy báo cho người đại diện. Lành thay! Lành thay! Lành thay!”*

## VIII

### Những Vật Phẩm Cúng Dường Bị Cấm

Theo *Giới Luật Tỳ Kheo* hay *Luật Tạng (Vinaya)*, có 05 loại vật phẩm vật cúng dường mà những người bình thường có thể cho rằng là tốt, là phước đức, nhưng thật sự **không mang lại công đức và chỉ gây nguy hại** đối với người cúng dường và việc bố thí cúng dường. Đó là:

- (1) Cho, tặng những chất độc hại (*majja dana*), ví dụ: thuốc lá, rượu bia, chất gây nghiện ...
- (2) Tổ chức hội hè ăn mừng (*samajja dana*) cùng với việc nhảy múa, ca hát, trình diễn. Trong tiếng Pali, từ “*samajja*” xuất phát từ tên của một lễ hội trên núi tổ chức hàng năm ở thành Vương Xá (*Rajagaha*).
- (3) Cúng cấp bạn tình, trai gái (*itthi dana*)
- (4) Cho, tặng trâu bò đực để phối giống với trâu, bò cái (*usabha dana*)
- (5) Cho, tặng những phẩm vật khiêu dâm, gợi dục (*cittakamma dana*)

Mặc dù không được liệt kê ra trong danh sách trên đây, nhưng những phẩm vật khác như: vũ khí, thuốc độc, những con vật sống (để nuôi hoặc để giết thịt), những đồ nghề dùng để bẫy, săn bắn, câu cá... và những thứ không liên quan và trái ngược với đời sống tu hành phạm hạnh cũng là những thứ không được dùng để cúng dường cho Tăng Ni.

## IX

### Những Lợi Ích Của Việc Bố Thí, Cúng Dường

Theo Bộ Kinh Tăng Chi (AN iv, 239), một người sau khi thực hiện việc bố thí, cúng dường có tâm nguyện được tái sinh về một cõi lành nào đó, thì mong ước của người đó sẽ được viên thành, *với điều-kiện là người đó là phải một người đức-hạnh; và ngược lại thì không được!*

Bộ Kinh Tăng Chi (AN iii, 42) có ghi rằng, những ai cúng dường thức ăn cho những tu sĩ khát thực sẽ được ‘đền đáp’ tái sinh về **cõi sống phúc lành, được đẹp đẽ, hạnh phúc, mạnh khỏe và thông minh**. Những người đó sau khi được tái sinh sẽ được hưởng tất cả phúc đức trên cõi người hay cõi thiên thần từ những phẩm chất công đức họ làm ra.

Trong Bộ Kinh Tăng Chi (AN iv, 79), Đức Phật đã dạy về những kết-quả nhìn thấy ngay của việc cúng dường (*quả nhân tiền*), đó là:

*“Người rộng lòng bố thí, và không phải kẻ keo kiệt, sẽ dành được lòng bi-mẫn của những A-la-hán bi-mẫn trước tiên. Những A-la-hán sẽ ghé thăm người đó, nhận đồ cúng dường của người đó, và giảng dạy Giáo Pháp cho người đó trước tiên. Danh tiếng tốt của người đó sẽ được lưu truyền. Người đó có thể tham dự vào bất kỳ hội chúng thuộc những giai-cấp với sự tự-tin và không ngại-ngần. Khi thân tan hoại sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh trong cõi trời.”*

Một lần khác, khi Đức Phật đã trả lời những câu hỏi của **Hoàng Tử Sumana**, người đang đi cùng với một đoàn 500 hoàng tử khác trên 500 xe ngựa, thì những lời giải đáp của

Đức Phật đã làm sáng tỏ thêm về giá trị của việc bố thí cúng dường, như đã được ghi lại trong Bộ Kinh Tăng Chi (AN iii, 32). Đó là:

### **Câu hỏi 1:**

*Có hai người Phật tử<sup>6</sup> cùng có Niềm-tin (saddha, tín), Giới-hạnh (sila, giới) và Trí tuệ (panna, tuệ) như nhau, nhưng một người thì rộng lòng bố-thí, người khác thì không. Nếu cả hai cùng chết đi và được tái sinh trong một cõi trời, thì ở đó họ có khác nhau không?*

### **Trả lời:**

---

<sup>6</sup> Ở đây, từ “Phật tử” có nghĩa là “Phật tử tại gia” hay “cư sĩ” để phân biệt với những “Phật tử xuất gia” vốn luôn được gọi là Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, hoặc Tăng, Ni tùy theo các nước Phật giáo khác nhau.

Trong quyển sách này và nhiều sách khác, người dịch ghi đầy đủ cách gọi: “Phật tử tại gia”, “cư sĩ” để chỉ những người theo đạo Phật, luôn nghĩ rằng mình là một Phật tử kính đạo. Mặc dù một số họ chưa bao giờ dự lễ Quy y Tam Bảo, ta cũng nên gọi họ là những Phật tử. Đối với những người bình thường, không theo đạo Phật, dù là người tốt hay người xấu, cũng không theo tôn giáo nào, thì được gọi là “người thường”, “người phạm phũ”. Và chỉ đối với những người được biết rõ hay tuyên bố là không theo đạo Phật (hay chống lại, bài xích đạo Phật ngay cả trong lịch sử); hoặc khi họ đã là những người đã là tín đồ của tôn giáo khác, thì mới gọi là “người ngoài đạo”, tức là người ngoài đạo Phật. Người ‘ngoại đạo’ không có nghĩa là người xấu ác, cho nên chúng ta cũng không nên dùng từ “người ngoài đạo” hay “kẻ ngoại đạo” với tâm sân si phân biệt hoặc bôi nhọ người ngoài đạo Phật. Rất nhiều người ngoài đạo Phật là những người tốt, người thánh thiện, và nếu được mô tả theo giáo lý của Phật thì họ chẳng khác những Phật tử thiện lành. (ND)

Phải, họ sẽ khác. Người rộng lòng bố thí thì sinh ở cõi trời sẽ được sống với **tuổi thọ rất dài**; màu da (*vanna*) **tươi trẻ và đẹp đẽ**; người đó được hưởng nhiều **tiện nghi sung sướng** ở cõi trời; **tin tốt lành** về người đó sẽ được truyền đi khắp cõi trời; và người đó trở thành thiên thần (*deva*) **đáng trọng** và **nổi tiếng** được nhiều thiên thần biết đến. Vì được hưởng 05 điều này, nên người rộng lòng bố thí sẽ cao hơn, cao đẹp hơn người không bố thí kia khi 02 người được tái sinh lên cõi trời.

### **Câu hỏi 2:**

*Khi họ hết tuổi thọ và chết trên cõi trời và được tái sinh xuống làm người, liệu họ vẫn còn khác nhau không?*

#### **Trả lời:**

Đúng vậy, họ vẫn còn khác nhau về những điều như vậy.

### **Câu hỏi 3:**

*Giả sử sau đó cả hai người cùng xuất gia đi tu và trở thành hai tu sĩ, liệu họ có còn khác nhau không?*

#### **Trả lời:**

Đúng vậy, một người thì rộng lòng bố thí khi xuất gia cũng cao thượng hơn người không bố thí xuất gia, theo 05 cách, đó là: khác nhau về y phục, về khát thực, về những chỗ ở, và về thuốc men, người đó luôn luôn được chăm sóc, được cúng dường nhiều hơn, trong khi đó người không rộng lòng bố thí kia thì khó mà có được những điều kiện như vậy. Hơn nữa, người rộng lòng bố thí sẽ được những Tỳ kheo đồng tu quý mến hơn và luôn tạo mọi điều kiện phương tiện tốt hơn cho người đó.

#### **Câu hỏi 4:**

*Giả sử cả hai cùng trở thành A-la-hán. Liệu hai A-la-hán này có khác nhau không?*

#### **Trả lời:**

Không, trong Thánh Quả A-la-hán thì không có sự khác nhau, vì không thể so sánh sự giải-thoát với sự giải-thoát.

Như vậy, chúng ta có thể thấy những kết quả lợi lạc dài lâu của những hành động hay việc làm công đức cho dù một người có được tái sinh thành thiên thần trên cõi trời, hay thành một người, hay thậm chí trở thành một tể tướng hay ni sau đó. Mọi người hãy luôn cố gắng mở lòng bồ thí, giúp đỡ, cúng dường, chia sẻ, bởi vì ai là người rộng lòng bồ thí thì sẽ được phúc lành ngay trong kiếp này và trong những kiếp sau này.

Cho nên, mỗi khi làm một việc bồ thí, cúng dường chúng ta luôn luôn ghi nhớ “**Năm Nguyên Tắc**” sau đây để có được những kết quả tốt nhất của hành động công đức đó. Đó là:

- (1) Người bồ thí phải tuân giữ **Giới-hạnh**, tức là người **có đức hạnh**, có đạo đức tốt.
- (2) Người bồ thí phải có **niềm-tin hoàn toàn** vào quy luật nhân-quả.
- (3) Người bồ thí phải **hoan hỷ vui lòng trước khi** thực hiện việc bồ thí, **có tâm trong sáng thanh tịnh trong khi** thực hiện việc bồ thí, và **phải vui mừng mãn nguyện sau khi** thực hiện bồ thí; (mỗi khi sau này hồi tưởng lại việc bồ thí cúng dường đó, tâm vẫn luôn vui lòng, mãn nguyện).

- (4) Người nhận bố thí phải là người **có đức hạnh**, có phẩm hạnh tốt (ví dụ: bố thí cho một người cùng khổ mà đạo đức trong sạch sẽ được nhiều công đức hơn bố thí cho kẻ cùng khổ mà thất đức, ác độc; hoặc nếu cúng dường cho một tu sĩ mà người đó là một bậc chân tu, một thánh tăng, hay một vị đại diện đứng đắn cho Tăng Đoàn thì sẽ có nhiều phước đức hơn là cúng dường cho những tăng sĩ thương mại, phàm tăng, giả tăng, người xuất gia mà chỉ lo việc này nọ chứ không lo ắt đặt tu hành theo lời dạy của Đức Phật).
- (5) Phẩm vật bố thí hay đồ cúng dường đã được làm ra hay có được một cách **chân chính và công minh**, (tức không có chuyện lấy của bất chính đi bố thí cúng dường là có được phước đức; ví dụ nhiều người làm ăn gian lận, bất chính, tham nhũng, bóc lột keo kiệt với công nhân người làm của mình, dùng quyền thế để có được nhiều tiền của, hoặc trộm cắp... rồi lấy tiền của đó đi bố thí hay cúng dường với mưu cầu có được phước đức thì đó điều không khuyến khích. Vì hành-động công đức muốn có kết quả phải đi kèm căn-thiện và tâm-thiện. Nó liên quan tới tâm của mình. Vì tâm thức là thứ sẽ tiếp tục đi tái sinh trong kiếp sống tương lai theo ảnh hưởng của nghiệp thiện (phước đức) và nghiệp ác (thất phước).)



## X

### **Chia Sẻ, Chuyển Nhượng, Hồi Hương Công Đức (Patti-dana)**

Danh từ “**Patti**” có nghĩa là “*công đức*”, “*công quả*”, “*phần thưởng hay sự đền đáp cho một hành động tốt*”, tức là “*cái*” mình được hưởng do làm việc công-đức. Như vậy, chữ “**Patti-dana**” theo nghĩa gốc là: “*bồ thí, tặng, cho đi, hay chia sẻ công đức của mình*” cho người khác.

Trong quyển “*Chú Giải Bộ Pháp Tụ*” (Atthasalini) có ghi lại đoạn giải thích về vấn đề bồ thí và hồi hương công-đức như sau:

*“Việc chia sẻ (hồi hương) công đức của một người dựa trên hành-động phước đức nên được coi như trường hợp của một người tặng một món quà hay quà tặng ...v.v... hay tặng phần công đức này cho một người (nào) đó!”, hoặc “Xin tặng nó (phần công đức) cho tất cả chúng sinh!”.*

*“Vậy sau đó thì sao, người đó sẽ mất đi phần công đức mà anh ta đã tạo được? – Không. Cũng giống như từ một ngọn đèn dầu môi cháy một ngàn ngọn đèn dầu khác sáng lên, nhưng không thể nói rằng ngọn đèn đầu tiên đã truyền hết lửa hay ánh sáng ban đầu, mà cùng với ánh sáng của những ngọn đèn khác nó càng sáng thêm, như vậy không phải công đức của chúng ta bị mất khi chúng ta san sẻ cho người khác; ngược lại càng tăng thêm. Chúng ta phải hiểu như vậy.”*

## ◆ Chia Sẻ, Hồi Hưởng Công Đức Cho Tất Cả Chúng Sinh.

Việc chia sẻ hồi hướng công-đức cho tất cả chúng sinh bắt đầu việc thỉnh cầu của Vua Trời Đế Thích (*Sakka*), sau khi Đức Phật đã thuyết giảng cho vị Vua Trời này tại sao: “**Món quà về Giáo Pháp vượt qua tất cả những món quà khác**” (*Bồ thí Pháp là bồ thí cao thượng nhất*), theo *Kinh Pháp Cú* (*Kệ 354*).

Vua Trời Đế Thích đã đến đánh lễ Đức Phật và thỉnh cầu cho những công đức của bài thuyết giảng được ban bố cho tất cả những thiên thần đang có mặt ở đó. Kể từ đó, Đức Phật đã có chỉ dụ cho các Tỳ kheo nên ban bố hồi hướng công-đức cho tất cả chúng sinh ngay sau khi các thầy thuyết giảng Giáo Pháp (*Dhamma*) tại pháp hội (hay đạo tràng, hội chúng...). Công đức ở đây có nghĩa là công-đức của các sư thầy tạo ra nhờ việc bồ thí pháp hay giảng dạy giáo pháp cho mọi người.

Sau khi thực hiện hành động bố-thí (*dana*) hay bất kỳ hành động tốt đẹp nào, một người nên chia sẻ hồi hướng công đức đó cho tất cả chúng sinh. Tâm nguyện (**ý-định, tâm tư**) chia sẻ công đức cho những người khác phải nên đi kèm với tâm-Từ và tâm-Bi, thì sẽ **làm tăng tiềm năng mạnh mẽ** cho hành động công đức đó.

Chúng sinh hiện tại, ví dụ như là: những người đang sống, những người thân quyến đã mất, những hồn ma ngựa quý (*peta*), những thiên thần (*deva*) sẽ luôn luôn ý thức được những hành-động tốt thiện và cùng vui mừng tùy hỷ với công-đức đó, thì họ cũng được lợi ích. Cụ thể là, bằng cách vui mừng tùy hỷ với những công đức được chia sẻ hồi hướng cho họ, họ tích tạo được *Nghiệp Lành* (*kusala kamma*).

Nghiệp lành sẽ giúp họ được phước lành trong tương lai. Họ càng tích được nhiều nghiệp lành, họ càng có nhiều cơ hội được phúc lành trong kiếp này, và có cơ hội tái sinh về cõi phúc lành trong kiếp sống sau này.

Vì vậy việc **chia sẻ hồi hướng công đức mang lại lợi lạc cho cả hai bên**: Bên chia sẻ hồi hướng công đức và Bên nhận công đức và vui mừng tùy hỷ với hành động hồi hướng đó.

► *Việc chia sẻ hồi hướng công-đức có thể được thực hiện bằng tâm-niệm trong tâm hoặc bằng lời tâm-niệm được nói (đọc, tụng) ra, để tất cả chúng sinh đang hiện hữu đều biết rõ về tâm-nguyện của người đó, và họ sẽ vui mừng nhận công-đức chuyển nhượng đó bằng cả tâm lòng.*

## XI

### Chuyển Nhượng, Hồi Hướng Công Đức Cho Những Người Thân Đã Khuất

Kinh “*Bên Ngoài Những Bức Tường*” (*Tirokutta Sutta*) trong tập *Kinh Tiểu Tụng* (*Khuddakapatha*) thuộc *Bộ Kinh Ngắn* (**KN**, *Tiểu Kinh Bộ*) là bài thuyết giảng đầu tiên của Đức Phật về đề tài chuyển nhượng công-đức cho những người đã khuất. Kinh này đã tạo thành **tiền lệ** cho việc tôn kính và mang lại lợi ích cho những người thân quyến đã chết và bị tái sinh thành ngạ quỷ, tức quỷ đói (*peta*), mà chúng ta hay gọi là ‘**hồn ma**’ hay ‘**cô hồn**’ chưa được tái sinh ở cõi khác. Ngạ quỷ là những chúng sinh đang sống trong thế giới loài người, nhưng là những ngạ quỷ khuất mặt mà mắt thường của người phàm phu không thấy được.

Theo luận giảng về Kinh này, vào thời Đức Phật những ngạ quỷ vốn là họ hàng gia quyến của Vua Bimbisara trong kiếp trước đã đứng đợi trước cung điện mong chờ nhà vua chia sẻ công đức cho họ— công đức của nhà vua ở đây là “đại công-đức” từ việc cúng dường cho Đức Phật! Nhưng nhà Vua đang bận rộn đầu óc lo tìm chỗ ở cho Đức Phật và do vậy không chuyển nhượng hồi hướng công đức cho họ. Đêm đó, họ bu quanh cung điện và tạo những âm thanh kêu gào, chết chóc. Sáng hôm sau, nhà Vua đến giải bày với Phật và được Phật khuyên dạy về vấn đề này, nhà vua đã sửa soạn một bữa cúng dường thịnh soạn để cúng dường cho Phật và Tăng Đoàn và chia sẻ công đức đó cho họ được hưởng lợi.

## XII

### Mục Đích Cúng Đường Thức Ăn Trong Việc “Bồ Thí Công Đức” Là Cúng Cho Ai?

Có nhiều sự nghi ngờ về thức ăn được sửa soạn cúng đường là cúng cho Đức Phật và Tăng Đoàn, hoặc được cúng cho những ngạ quỷ khuất mặt của Vua Bimbisara, theo như ghi chép trong Kinh *Tirokutta Sutta*.

Nhiều người cũng đọc tụng các kinh khác, như Kinh “*Lời Khuyên Dạy Sigàla*” (*Sigalovada Sutta*) thuộc Bộ Kinh Dài (DN 31) và Kinh “*Janussoni*” (*Janussoni Sutta*) thuộc Bộ Kinh Tăng Chi (AN 10:177) đều ủng hộ họ theo quan điểm là: “**cúng đường**” ở đây có nghĩa là “**cúng thức ăn cho những người thân quyến đã mất**”. Thật ra quan điểm này là sai.

Phong tục này của Hindu giáo đã tồn tại thậm chí trước thời Đức Phật. Phong tục cúng cho người chết đó được gọi là “*shraddha*” và đã được ghi rõ trong Kinh “*Janussoni Sutta*” nói trên, lúc đó một Bà-la-môn tên là Janussoni đã hỏi Đức Phật như vậy:

“*Thưa Thầy Cô-Đàm! Những Bà-la-môn chúng tôi cúng thức ăn và làm lễ cúng tang (shraddha) như: “Xin dâng cúng những món này đến với những người thân quyến của chúng tôi. Cầu cho họ hưởng được.”*”

Vì lễ “*shraddha*” thông thường được tổ chức cùng những đám tang của người theo đạo Hindu, nhưng nó thường bị hiểu lầm là phong tục của người Ấn Độ tổ chức để tôn kính người chết bằng cách cúng dâng đồ ăn... cho người chết. Những người Hindu tin rằng, khi một người chết, người đó sẽ

thành **Preta**, tức là ‘âm hồn’ hay ‘hồn ma’, không có cơ thể và như vậy là một cảnh giới đau khổ. Để giúp cho ‘hồn ma’ đó có được một cơ thể đầy đủ, thì những người thân quyến phải cúng cơm vò thành viên tròn, cúng bánh bột gạo, v.v, cùng với cỏ thiêng (cỏ *kusha*), hoa, và rải nước, và tụng đọc những câu thần chú và những câu tụng trong kinh Vệ-Đà; toàn bộ buổi lễ cúng Tang được tổ chức không phải trong đền thờ, mà ở những nơi linh thiêng như bờ sông.

Ngày đầu, người Hindu cúng cơm **pinda** (cơm làm từ bột gạo và sữa vo tròn) và rải nước, tin rằng ‘hồn ma’ sẽ sau khi hưởng và có được khung cơ thể. Ngày tiếp theo, họ tiếp tục cúng bánh **panda** và nước rải, có lẽ tin rằng ‘hồn ma’ hưởng xong sẽ có được chân, tay..., họ cúng như vậy liên tục 12 ngày, và ngày thứ 12 họ tin là ‘hồn ma’ có thêm đầu để hoàn tất một cơ thể, và lúc này ‘hồn ma’ trở thành một **Pitri**, và được tin là không còn bị ô nhiễm và trở thành một thiên thần (*deva*) và họ thờ phượng như một thiên thần bằng cách cử hành những nghi lễ *shraddha*, bắt đầu từ ngày thứ 12 sau khi chết. Vậy là cả gia đình được “gội rửa” sạch sẽ. Tiệc cúng được dâng cúng cho các Bà-la-môn, những người hàng xóm, và những người ăn xin – thậm chí những con bò cũng được cho ăn bằng cỏ tươi. ►(Coi **Tham Khảo 9** về “Ý Nghĩa Việc Thờ Cúng Tổ Tiên”. Mời đọc lại kinh AN 10:177.)

Tiếng Phạn chữ “*shraddha*” có nghĩa là việc hay sự tưởng nhớ tổ tiên đã qua đời. Một trong việc phải làm hàng ngày là người nhà phải bỏ ra vài phút mặc niệm, tưởng nhớ đến người đã chết và làm những việc từ thiện. Họ tin rằng những việc làm đức hạnh đó nhân danh người chết sẽ giúp cho những người mới chết được an bình trên chuyến đi của mình và tích tạo thêm nhiều nghiệp quả tốt cho người còn sống. Việc dâng cúng những phẩm vật dâng cúng cho những

thầy Bà-la-môn để vì (*hồi hướng*) lợi ích cho những **Pitri**, vào thời gian và nơi chốn thích hợp, cùng với lòng tin thì được gọi là làm lễ “*shraddha*”. Việc thực hành lễ “*shraddha*” và rải nước giúp cho những linh hồn người chết khỏi bị đói khát trong suốt chuyến đi đến cõi của những **Pitri** (*Pitri Loka*); hay hộ giúp cho những linh hồn của tổ tiên. Khi dâng cúng lễ “*shraddha*” người con trai cũng giúp cha quá cố của mình cùng vui mừng tùy hỷ chung với những **Pitri** đó.

Đến bây giờ thì đã rõ, lễ “*shraddha*” cũng không phải là lễ cúng đồ ăn cho những ‘hồn ma’ **Preta** để tạo nên “thân thể”, vì lễ “*shraddha*” chỉ diễn ra kể từ ngày thứ 12 sau khi chết, sau khi ‘đã trở thành’ **Pitri** (*như người Hindu tin*) và việc dâng cúng là cúng dường cho các Bà-la-môn để hồi hướng công đức cho ích lợi của những **Pitri**. Tuy nhiên, Đức Phật không chấp nhận những lễ cúng và niềm tin như vậy.

Học giả người Ấn Độ **Bimala Churn Law**, trong quyển sách của ông mang tên “*Quan Niệm của Phật Giáo về Linh Hồn*” (*The Buddhist Conception of Spirits*) đã nói rằng việc hồi hướng chuyển nhượng công đức trong đạo Phật cũng giống những nghi lễ *shraddha* của Hindu theo một số cách. Theo người Hindu, những quà cúng được dâng cúng cho một thầy Bà-la-môn (*Brahmin*) hay một người thay thế cho giai cấp Bà-la-môn (*Brahmana*); và mức độ công đức là tùy thuộc vào số lượng thức ăn và quần áo được bố thí bởi người sống thực hiện nhân danh và hồi hướng công đức cho người chết. **Kết quả là những công đức đó sẽ được chuyển qua người chết.**

Trong những lễ *shraddha* của người Hindu, một số phẩm vật và đồ ăn cũng được cúng dâng **trực tiếp** cho người chết, nhưng sau đó những ‘đồ cúng’ đó phải được mang đi

cho tặng một người xứng đáng (được kính nể) để có được kết quả mong muốn của buổi cúng. Thực hiện lễ dâng cúng *shraddha* là nhiệm vụ theo truyền thống Vệ-đà, của một người con (trai) thể hiện lòng tôn kính, tưởng nhớ cha ông, tổ tiên.

Trong Kinh “*Lời Khuyên Dạy Sigàla*” (*Sigalovada Sutta*), một trong những bốn phận của người con là cúng dường bố thí thức ăn (tức trong Tang Lễ) để tưởng nhớ, tích đức cho người thân đã khuất thì được Đức Phật tán đồng.

Trở lại Kinh “*Bên Ngoài Những Bức Tường*” (*Tirokutta Sutta*), đúng là nghi lễ cúng dường cho những ngạ quỷ là những thân quyến của nhà Vua là một nghi lễ *shraddha*, nhưng có sự khác biệt. Nhà Vua vừa mới được Đức Phật “độ” và chuyển hóa thành một bậc Nhập Lưu. Cho nên, lẽ tự nhiên là nhà Vua đã thỉnh mời Đức Phật và Tăng Đoàn đến để thọ thực thức ăn dâng cúng để tạo công-đức và hồi hướng công-đức đó cho những người thân quyến đã khuất. **Vì vậy, đồ ăn cúng dường ở đây là cúng dường cho người, là Phật và Tăng Đoàn, chứ không phải là cúng dường cho những ngạ quỷ!**, vì nhà Vua đã tham kiến Đức Phật vào buổi sáng trước khi thực hiện lễ cúng dường này để làm toại nguyện sự khẩn cầu của những ngạ quỷ quyến thuộc của nhà Vua.

Luận Giảng chỉ ra rằng phải có 03 điều-kiện đi kèm thì hiệu quả mới được thành tựu tốt đẹp cho việc bố thí cúng dường để hồi hướng công đức cho người thân tái sinh đang là Ngạ Quỷ. Đó là:



(a) Người cúng dường phải **nói rõ** việc cúng dường bồ thí là để hồi hướng công-đức cho người thân đã khuất đó, người đã khuất (*tên, xưng hô*):

**“*Nguyện cho món cúng thí này được đến những người ấy. Mong những người ấy (tên, xưng hô) được phúc lành*”.**

Hoặc tụng bằng tiếng Pali như sau:

**“*Idam me natinam hotu, sukhita hontu natayo*”.**

(b) Người nhận bồ thí cúng dường **phải là người có đức-hạnh**.

Trong luận giảng về Kinh “*Cúng Dường Phân Biệt*” (*Dakkhina-vibhanga Sutta*) thuộc Bộ Kinh Vira (MN, Trung Kinh Bộ), có trường hợp một ngạ quỷ không hưởng được phước đức cúng dường của người thân hồi hướng cho mình, vì người thân còn sống đã bồ thí cúng dường 03 lần cho một người nhận là một người không có đức-hạnh, nên đã không tạo ra công-đức để hồi hướng đến cho người thân là ngạ quỷ. Nên ngạ quỷ đó kêu lên rằng: “*Kẻ vô đức-hạnh kia đã cướp hết công-đức*.”

(Nghĩa là, nếu người nhận là người đức-hạnh thì việc cúng dường đó đã tạo ra công đức và đã được hồi hướng cho người thân là ngạ quỷ đó).

(Vì những ngạ quỷ thì có thể nhìn thấy được người thân của mình đang còn sống và biết họ đang làm gì, và ngược lại, người thân còn sống với “*mắt thương*” của con người thì không nhìn thấy được người thân đã khuất của mình là ngạ quỷ, mà chúng ta hay gọi là quỷ đói hay cô hồn).

► **Như vậy, nếu cúng dường hay bồ thí mà không chọn được người đức hạnh thì công đức không tạo được. Và**

***như vậy cũng không có gì để hồi hướng cho người thân của mình. Điều này rất quan trọng, chúng ta cần lưu ý!***

(c) Những naga quý quyền thuộc được hồi hướng công đức đó phải thật sự cảm kích, **vui mừng và tùy hỷ** với việc bố thí cúng dường của người thân vì mục đích hồi hướng cho mình. Từ đó, những naga quý đó có được những niềm vui tùy hỷ thiện lành, giúp tạo ra thêm những nghiệp mới thiện lành.

-- Khi thỉnh Đức Phật và Tăng Đoàn đến thọ thực thức ăn cúng dường, đặc biệt là để tạo công đức và chuyển nhượng công đức đó cho những người thân đã khuất của mình, Vua Bimbisara đã hoàn thành được hai 02 trong 03 điều kiện trên. Còn việc cảm kích, mừng vui tùy hỷ khi nhận công đức đó thì người nhận là những naga quý thân quyền của nhà Vua sẽ hoàn thành, là điều kiện thứ 03.

-- Theo cách này (như Đức Phật đã khuyên dạy), thì nghi thức cúng dường này là một nghi thức *Bố Thí Công Đức (Pattidana)* chứ không phải là lễ cúng “*shraddha*”. Nhờ vậy, (theo luận giảng) sau đó những naga quý thân quyền đau khổ của nhà Vua đã hưởng được “đại công đức” được hồi hướng và nhờ đó họ đã được thoát khỏi cảnh naga quý thống khổ, và được tái sinh lên cõi trời.

-- Theo Luận Giảng thì: Ngay sau khi nhà vua dâng cúng dường Đức Phật và Tăng Đoàn nước uống, thức ăn, y phục, và chỗ ngồi và chia sẻ hồi hướng công đức cho những naga quý, thì theo thứ tự đó, ở cõi kia xuất hiện ra nước uống để giải cơn khát của naga quý, thức ăn trên cõi trời để họ ăn, quần áo trên cõi trời để họ mặc, nhà cửa trên cõi trời để họ ở, xe cộ trên cõi trời để họ dùng, tất cả điều kiện để họ biến khỏi dạng

hồn ma ngạ quỷ và được chuyển thành dạng chúng sinh cõi thiên thần và trời.

-- Nói theo **Quy luật của Nghiệp**, đó là sự vui mừng tùy hỷ, đã được tạo ra nhờ việc *Bồ Thí Công Đức (patti-dana)*, đã tạo điều-kiện (duyên) lành đưa đến việc tái-sinh tốt lành từ những ngạ quỷ (*peta*) thống khổ trở thành những thiên thần (*deva*) xảy ra trong lập tức, khi đã đầy đủ phước báu.

► *Nên nhớ rằng, ví dụ lịch sử này đã được giảng luận như vậy có lẽ cũng nhờ những ngạ quỷ đó cũng đã có được nhiều phước đức tích lũy trong nhiều kiếp để tạo “duyên” cho lần này; và/vì đặc biệt lần này nhà Vua cúng dường cho Đức Phật và Tăng Đoàn nên phước báu là vô lượng, là cao quý nhất trong thế gian, nên công đức này khi hồi hướng cho những ngạ quỷ quyến thuộc đã có thể giải thoát họ khỏi cảnh giới đầy đọa thống khổ, và họ được tái sinh về cõi trời phúc lành.*

► **Điều này cho thấy được tầm quan trọng bậc nhất của việc cúng dường cho Tăng Ni, kể từ sau khi Đức Phật Bát-Niết-Bàn.** (ND)

► Nếu chúng ta đến thăm viếng những nước theo Phật giáo Nguyên Thủy như Tích Lan, Miến Điện, Lào, Cam-puchia, Thái Lan ... chúng ta sẽ chứng kiến nhiều người dân luôn cố gắng tranh thủ thời gian đứng xếp hàng để “được” cúng dường thức ăn cho những Tỳ kheo vào những buổi sáng trước giờ Ngọ. Bởi vì, những Phật tử kính đạo này đều hiểu rằng việc cúng dường cho Tăng Ni khát thực là một trong những việc làm công đức cao quý nhất.

Rất nhiều người phương Tây và những Phật tử du khách đều rất thích chứng kiến những cảnh cúng dường như vậy ở trên các đường phố và các làng mạc ở những đất nước Phật giáo này. Nhưng cũng như rất nhiều Phật tử ngày nay đã không được giải thích và chỉ dạy bởi những sư thầy, những du khách đó cũng không hiểu được ý nghĩa đích thực của việc cúng dường cho Tăng Ni để tích tạo công đức và có thể chuyển nhượng hồi hướng những công-đức cao quý đó cho những người thân thuộc quá cố đang bị đày đọa trong cảnh hôn mà quỷ đói.

► Cầu mong cho các Phật tử đọc và hiểu ý nghĩa và cách cúng dường đúng đắn và đáng làm này, để tự tích tạo phước đức cho mình và người thân, và có thể tâm nguyện chuyển nhượng những công-đức đó cho những người thân yêu quá cố của mình có thể đang lâm trong cảnh đày đọa thống khổ đó.  
(ND)

### XIII

## **Nga Quỷ Có Hưởng Được Thức Ăn Thức Uống Được Cúng Trực Tiếp Cho Họ Hay Không?**

Nhiều Phật tử diễn dịch cách nói sau đây: “*Không có trao đổi, mua bán bằng vàng hay các loại tiền khác. Nhưng nga quỷ sống và tồn tại dựa vào thức ăn cúng cho nga quỷ hoặc những gì đến được họ từ việc cúng dường này (bởi người thân cúng vì lợi ích của họ)*” theo nghĩa là: “*những nga quỷ sống bằng những thức ăn do người thân họ cúng cho họ*”. Thật ra, đây là phong tục của người Tàu sấm sửa những đồ ăn chọn lọc để dâng cúng trên bàn thờ của người thân đã khuất vào những dịp như đám giỗ, hay cúng lễ trong dịp lễ “Cheng Beng” (lễ Thanh Minh) hay trong tháng Bảy Âm Lịch là dịp Lễ Cúng Thí Cô Hồn (quỷ đói) với niềm tin rằng những người thân đã khuất có thể thọ hưởng thức ăn.

Phong tục cúng thí thức ăn cho cô hồn và nga quỷ ‘ăn’ bắt nguồn từ đạo Lão bên Trung Quốc. Lễ Vu Lan<sup>7</sup> (tiếng Phạn:

---

<sup>7</sup> Vu-Lan là từ viết tắt của Vu-lan-bồn, là phiên âm của từ tiếng Phạn “*ullambana*”. Bên Trung Quốc còn gọi là lễ Tết Trung Nguyên.

Theo Phật giáo Đại Thừa, từ truyền thuyết về ngài Mục Kiền Liên đại hiếu, nghe theo lời khuyên của Phật, đã cứu mẹ của mình ra khỏi kiếp nga quỷ, nên sau đó Đức Phật đã dạy rằng mọi người nên trả hiếu cho cha mẹ bằng cách như vậy (tức bằng cách cúng dường trai tăng để có được công đức lớn và hồi hướng cho cha mẹ của kiếp này và của các kiếp trước). Nên Vu Lan, thường được tổ chức chính vào ngày Rằm tháng Bảy hàng năm để tưởng nhớ công ơn cha mẹ (và tổ tiên nói chung.)

*Ullambana*) của những người theo Phật Giáo Đại Thừa, cũng trùng với dịp *Lễ Cúng Cô Hồn* vào tháng Bảy Âm lịch là hoàn toàn khác, mang ý nghĩa khác. Lễ Vu Lan mang ý nghĩa là một lễ bố thí cúng dường để hồi hướng công đức cho cha mẹ (còn gọi là *lễ Báo Hiếu*).

► Nhiều người cũng tin rằng những chúng sinh khuất mặt cũng ‘thọ hưởng’ hay ‘ăn uống’ được những thức ăn dâng cúng cho họ, bằng cách ‘hút’ phần ‘*cốt*’ (tiếng Hán: *chi*) của thức ăn, cho nên theo họ, thức ăn sau khi cúng chỉ còn vị lạt lẽo! Cách tin và giải thích này là hoàn toàn vô lý. Thông thường những đồ ăn dâng cúng để lâu bên ngoài nên bị ô-xy hóa và nguội lạnh, những mùi hương bao gồm cả những vitamin, dinh dưỡng bị bốc hơi đi, nên mất đi mùi vị thơm ngon vốn có trước đó, chứ không phải do những người khuất mặt hút hết phần tinh ngon!

► Ngày nay, đối với những người **tại gia** vẫn giữ truyền thống cao đẹp tưởng nhớ đến tổ tiên, cúng đám giỗ và thường vẫn dùng (ăn) những đồ ăn đã dâng cúng, thì nên nấu lại hoặc nên dùng lò vi sóng để hấp chín lại thức ăn, để phòng trừ vi khuẩn, ruồi, côn trùng đậu vào trong thời gian trình bày đồ ăn dâng cúng, để cho được an toàn vệ sinh; và sau khi

---

Thêm nữa, ngày này còn mang ý nghĩa và được gọi là ngày “*Xá tội vong nhân*”. Vào ngày này, người ta tin mọi chúng sinh “tù nhân” ở địa ngục âm phủ đều được xá tội, được lên dương gian. Theo tín ngưỡng dân gian, là ngày mở cửa ngục, các vong nhân được xá tội nên có lễ cúng Cô Hồn (vào buổi chiều) cho các vong linh không nhà cửa, không nơi nương tựa, không có thân nhân trên dương gian thờ cúng.  
(ND)

*hấp nóng lại, nhiều loại đồ ăn cứng cũng sẽ mang lại vị thơm ngon của nó hơn là lúc để nguội lạnh. (ND)*

-- Một sự thật được ghi lại trong Luật Tạng về một Tỷ kheo sống ở khu nghĩa địa và sống nhờ vào thức ăn người thân mang đến cúng cho những ‘linh hồn’ nằm dưới mộ. Có thể những thức ăn người thân cúng thường là những thứ được chọn lọc, tươi, ngon, nhiều dinh dưỡng, nên vị Tỷ kheo này trông mập mạp cường tráng, nên một số người chỉ trích vị này một cách sai trái, cho rằng vị này có thể sống nhờ vào ăn thịt người. Do có xảy ra sự việc này, nên đức Phật đã ra giới luật cho các Tỷ kheo không được ăn bất cứ thứ gì hay thức ăn nào không được người khác dâng cúng trực tiếp cho mình, nếu ai vi phạm là phạm giới theo điều luật ***Pacittiya 40***.

-- Câu chuyện lịch sử này chắc sẽ làm ***xua tan*** niềm tin của những Phật tử cho rằng những người khát mặt có thể ‘ăn’ hay ‘hút’ hết phần ‘tinh cốt’ của thức ăn dâng cúng. Vì sao? Chắc độc giả có thể suy ra. Vì nếu các ‘linh hồn’ dưới mộ đã ‘thật sự’ hút hết phần tinh chất dinh dưỡng, thì thức ăn đó đâu còn chất dinh dưỡng nào mà giúp cho vị tu sĩ đó mập mạp khỏe mạnh như vậy?

► Khi nói về việc đốt quần áo... làm bằng giấy (hàng mã) để cúng cho những người đã khuất, thì chúng ta nên nhớ rằng, ngay cả những Thiên Thần cũng không mặc quần áo bằng vải cotton, lụa, terylene, vải Dacron hay vải len, mặc dù các bài kinh có mô tả họ là rất đẹp đẽ, huy hoàng trong trang phục thần tiên của họ. Tuy nhiên, những y phục họ mặc trên thân mình về cơ bản là ***những sự biểu-thị của nghiệp***, những nhà cửa, cỗ xe trên cõi trời thì cũng là những biểu-thị về tâm thức theo nghiệp mà thôi.

► Những nạn quỷ (*peta*) hay những cô hồn vất vưởng là những chúng sinh thuộc về tầng lớp thống khổ đầy đọa trong cảnh giới xấu (*Apaya*) thì có lẽ là không quần áo, không có gì che thân, hoặc ăn mặc rách nát (có lẽ còn tệ hơn những người khốn nạn ăn mày) theo như những Nghiệp xấu-ác mà họ gây ra. Chỉ có những sự tái sinh phúc lành, như trường hợp những nạn quỷ (là những người thân quyến của Vua Bimbisara nói trên) **vừa mới được** giải thoát khỏi cảnh quỷ đói và được tái sinh thành những thiên thần một cách nhanh chóng (nhấn tiên) nhờ “đại phước đức” đã được nhà vua hồi hướng cho họ, thì mới sinh ra những trang phục của những thiên trên thân của họ, **ngay trong khi** người thân cúng dường y vải cho Tăng Đoàn với lòng thành và tâm nguyện hồi hướng công đức cho họ.

► Những hành động thiết thực hơn mà những Phật tử nên làm là: như góp phần bố thí quần áo cho người nghèo, trẻ em, người già neo đơn ở nơi nghèo khó, xa xôi, bất hạnh, hoặc cúng dường y vải cho Tăng Ni là những **bậc chân tu** ... thì chúng ta sẽ tạo ra được nhiều công đức cao quý tốt lành để hồi hướng chúng cho những người thân yêu đã khuất có thể đang bị rơi vào cảnh sống nạn quỷ cô hồn vất vưởng đầy thống khổ như đã nói nhiều lần ở trên. Vì Đức Phật đã nói, do vòng luân hồi sinh tử là vô thủy thẳm thẳm được nên mỗi người chắc hẳn đều có ít nhiều ông bà, tổ tiên, và người thân quyến mình đã yêu thương tôn kính đang bị dính trong cảnh giới hôn ma quỷ đói đáng đau lòng mỗi khi nghĩ tới, nên những hành động bố thí cúng dường thiết thực mới thực sự tạo ra những đại phước đức để hồi hướng cho họ. Và còn hơn nữa, thực hành hạnh bố thí cúng dường là tu dưỡng tâm rộng lòng bố-thí của mỗi người, để làm cho chúng ta trở thành những chúng sinh tốt, thiện, bậc cao, và được an-toàn hơn trong kiếp này và những cõi kiếp sau. (ND)



## XIV

### Những Loại Chúng Sinh Nào Nhận Được Công Đức Hồi Hướng Cho Mình?

Theo ghi chép trong Kinh “*Janussoni*” nói trên, thì một Bà-la-môn tên là Janussoni đến hỏi Phật:

*“Thưa Thầy Cồ-Đàm! Những Bà-la-môn chúng tôi cúng thức ăn và làm lễ cúng đám Tang (shradhha) như: “Xin dâng cúng những món này đến với những người thân quyến của chúng tôi. Cầu cho họ hưởng được”. Này Thầy Cồ-Đàm! Như vậy được không? Liệu những đồ cúng này có đến được những người thân đã chết của chúng tôi không? Liệu họ có hưởng dụng được đồ cúng không?”*

Theo sự trả lời và giảng giải của Đức Phật, thì của dâng cúng này chỉ đến được người thân đã khuất nếu họ đang hiện hữu ở một “**nơi thích hợp**” và nếu ngược lại thì không được. (A) Những nơi “**không thích hợp**” đó là:

- (a) **Địa ngục**, chúng sinh ở đó sống, tồn tại nhờ vào những loại thực dưỡng mà địa ngục có được.<sup>8</sup>

---

<sup>8</sup> Chú giải về “thực dưỡng”: Con người có thể sống đến 7 ngày không uống nước, không thức ăn. Nhưng những thiên thần, nga quý, và những chúng sinh ở tầng thấp hơn (cảnh hạ sanh, hạ thú (apaya) hay địa ngục), họ mang những phẩm chất tạo nghiệp rất mạnh trong ‘thân’ mình, nên có thể chịu được đói khát trong thời gian rất lâu, do nghiệp của mình. Đó là lý do họ có thể tồn tại một thời gian lâu chỉ nhờ vào thực dưỡng (oja) bên trong mình. (TG)

- (b) **Súc sinh**, chúng sinh ở đó sống, tồn tại nhờ vào những loại thực dưỡng mà sinh vật đó khi thụ thai trong bào thai có được.
- (c) **Loài người**, con người sống, tồn tại nhờ vào những loại thực dưỡng mà thế giới loài người có được.
- (d) **Cõi trời**, chúng sinh ở đó sống, tồn tại nhờ vào những loại thực dưỡng mà các chư thiên thần có được.

Vậy còn (B) “**noi thích hợp**” chính là **cõi Nga Quỷ**”. Vì chỉ có ở cõi này, ngoài việc nga quỷ sống và tồn tại nhờ vào những thực dưỡng mà cõi nga quỷ có được, thì nga quỷ còn có thể sống và tồn tại nhờ vào những thứ (**công đức, phước đức**) mà bạn bè, vợ hay chồng, người thân quyến hay người họ hàng cúng dường vì lợi ích (*hồi hướng*) cho chúng sinh nga quỷ đó (ngay trong kiếp hiện hữu này, tức phải đúng lúc người cúng dường đang còn sống là người và đồng thời nga quỷ đó thì còn đang ở cảnh nga quỷ).

Từ Kinh này mà người ta đã biện luận rằng chỉ cần cúng những thức ăn vật chất cho những người thân đã khuất, không cần thỉnh cúng Tăng Đoàn đến thọ thực và hồi hướng công đức cho người đã khuất. Nếu việc chuyển nhượng, **hồi hướng công đức** có ý nghĩa ở đây, thì có lẽ công đức cũng có thể được hồi hướng đến những người thân đã khuất hiện đã là một thiên thần trên cõi trời và thiên thần cũng được lợi ích sau khi cảm kích vui mừng có được sự tôn kính tưởng nhớ này (?). Tuy nhiên, còn một điều kiện khác hay bị bỏ quên.

Theo tập “**Milinda Vấn Đáp**” (*Milinda-Panha*) khi nói về những loại nga quỷ khác nhau, thì chỉ có (i) *loại nga quỷ sống phụ thuộc vào những thứ được bố thí (Paradatta-upajivi*

*peta*) và (ii) những nga quỹ nhớ được những người thân quyến đang sống ở trần gian và thấy được những việc thân quyến đang làm gì, thì mới có thể nhận được sự chia sẻ những công đức. Điều này có nghĩa rằng, nga quỹ muốn nhận được công đức hồi hướng thì **nga quỹ đó phải hiện diện** trong suốt quá trình nhận công đức và vui mừng tùy hỷ với công đức đó.

-- **Và chúng ta có thể loại trừ sự hiện diện của những thiên thần:** họ không có mặt để biết được sự bố thí công đức này. Theo Kinh “*Ngoại Đạo Payasi*” (*Payasi Sutta*, **DN 23**), thì sau khi được sinh lên cõi trời, những thiên thần cứ đắm mình trong lạc cảnh sung sướng trong thế giới mới, và họ thường không bao giờ muốn quay lại những ‘ngôi nhà’ cũ ở trần gian và họ sẽ không thể nhận được những công đức hồi hướng đó.

-- Ngay cả những vị thần mặt đất (địa thần, *rukkha deva*) luôn sống trên những cây trong rừng, họ cũng không để ý đến những bố thí công đức (*Patti-dana*) hồi hướng cho mình, và cũng không nhận được công đức đó.

-- Theo **Quy Luật Nghiệp**, chúng ta nên biết rằng những nga quỹ khác nhau đang chịu những mức độ đau khổ khác nhau, tương xứng với những nghiệp khác nhau mà họ tạo ra. Có lẽ *loại nga quỹ sống nhờ vào sự bố thí của người khác* (*Paradatta-upajivi peta*) đã có được **Nghiệp tốt** (*kuasala kamma*) giúp cho họ đã được tái sinh gần nơi sinh sống của những người thân quyến thuộc đang sống ở trần gian. Trong hoàn cảnh đó đó, họ đã có được cơ hội cho phép họ luôn **vui mừng tùy hỷ** khi nhìn thấy được người thân, họ hàng, gia quyến, thậm chí bạn bè, thực hiện việc bố thí cúng dường vì lợi-ích (*hồi hướng công đức*) cho họ. Chính tâm-nguyện hay tâm-tư **vui mừng tùy hỷ** khi được người thân bố thí cúng

đường vì lợi ích của họ sẽ **tạo được thiện nghiệp mạnh mẽ**. Và cùng với những điều-kiện thuận lợi (thuận duyên) mạnh mẽ có thể dẫn dắt nga quý thân quyền đó tái sinh về cõi trời thành thiên thân sung sướng.

-- Chỉ có một con đường duy nhất này là từ trong cảnh giới Nga Quý họ phải tạo ra được công-đức và Nghiệp-thiện thì mới có khả năng được giải thoát khỏi cảnh giới đầy đọa thống khổ đó.

► Vậy nếu một người thân quyền của mình không bị tái sinh về cõi nga quý, thì ai sẽ được nhận hưởng công đức hồi hướng đó?

Theo Đức Phật: ***Vòng luân hồi sinh tử (samsara) là dài thăm thẳm, từ vô thủy, thì không thể nào trong thế giới nga quý mà không có một người thân quyền nào của mình.***<sup>9</sup>

Bên cạnh đó, người bố thí (thí chủ) tự mình cũng được lợi-ích nhiều bằng việc bố thí công đức (*Patti-dana*) vì những ý-định thiện của mình đầy đủ lúc bố thí, nên công đức càng được củng cố, gia tăng.

---

<sup>9</sup> Ý Phật nói khi mình đang làm người ở kiếp này thì có thể mình đã trải qua hàng trăm, ngàn, triệu kiếp hay hơn nữa, thì mỗi kiếp mình lại có biết bao nhiêu người thân quyền thuộc để chia xa vì sinh tử và họ có thể phải bị sinh vào cõi xấu như cõi nga quý, là những cõi khó có đường thoát ra nếu không gặp đại phước, đại duyên hay đại thiện nghiệp. Mà những đại phước, đại duyên, đại thiện nghiệp vốn rất khó tạo được trong cảnh giới xấu đó.

## XV

### Phong tục của người Trung Quốc đốt hàng mã bằng giấy để cúng cho người chết

Rất nhiều gia đình người Trung Quốc và những dân tộc khác như Việt Nam theo phong tục đốt những hàng mã bằng giấy để cúng cho những người đã chết. Ví dụ như: ‘tiền âm phủ’, trang phục bằng giấy; xe, nhà ... bằng giấy với niềm tin rằng họ sẽ nhận được thông qua những làn khói đốt và họ có thể sử dụng ở thế giới linh hồn. Nếu một người đã khuất cũng vui mừng tùy hỷ với những hành động ‘hiếu thảo’ này của người thân của mình khi thực hiện những nghi thức tập tục *theo mong ước* của người chết, thì liệu người chết đó có tạo được Nghiệp tốt có thể mang lại ích lợi tức thì (như trong trường hợp “hồi hướng công đức bồ thí”) hay không?

Người chết (chẳng hạn như là một nọ quý sống gần người thân quyến) cảm thấy vui mừng hoan hỷ khi nhìn thấy những người thân quyến còn sống của mình thực hiện tục đốt hàng mã bằng giấy để cúng mình theo như mong ước của mình thì không có nghĩa là người chết đang tạo ra nghiệp tốt. Niềm vui mừng tùy hỷ của người chết đó có thể là những **dính chấp**, tham dục; và hơn nữa việc đốt đồ “giấy” **không tạo ra được công đức** nào hết, nên cũng chẳng có gì để hồi hướng cho người chết và họ cũng không thể nhận lãnh những thứ đồ cúng đó. Niềm tin rằng người chết sẽ nhận được đồ cúng là dựa vào sự **Mê Tín**, mù quáng. Mặc dù người chết có vui mừng tùy hỷ với những tập tục lễ cúng như vậy, nhưng người đó không thể tạo ra nghiệp tốt nào để cải thiện hoàn cảnh hiện hữu đầy thống khổ của họ cả.

Tương tự vậy, nếu người chết là một nạn nhân bị người khác sát hại, và con của người đó tìm cách trả thù cho cha, nên đã giết hoặc làm hại kẻ sát nhân đó. Người cha đã chết nếu có thấy được việc báo thù này và khởi tâm hoan hỷ hả dạ hay “mỉm cười nơi chín suối” vì lòng ‘hiếu thảo’ của người con đã thực hiện ‘công lý’ và ‘phục hồi danh dự’ cho gia đình... Nhưng hành động đó của người con không tạo ra công đức nào hết, đó chỉ là **hành động của oán thù, Sân hận**. Và trái ngược lại, và thực sự đáng thương thay, người cha quá cố đó đã tạo thêm Nghiệp ác bằng việc vui mừng hoan hỷ với hành động nghiệp ác của người con. Vì vậy, chúng ta nên **cẩn thận trong việc diễn dịch suy diễn** những hành động nào là thực sự tạo nên điều “hiếu thảo”.

◆ Trong Tiếng Pali, có ba (3) loại tình thương yêu:

(a) **Metta: Tâm Từ (lòng từ, sự từ ái)** là tình yêu thương **không dính mắc** mà trong sáng, cao đẹp, quảng đại; là lòng thương người và mong muốn những chúng sinh hữu tình được hạnh phúc và sung sướng. Đây một dạng **tâm thiện**.

(b) **Tanha: Tình thương yêu do dục-vọng**, là loại tình thương yêu **dính mắc** bởi dục-vọng. Tanha là dục vọng. Đó là dục tình hay ái tình của nam nữ, và không phải là một dạng **tâm thiện**.

(c) **Gehasita pema: Tình yêu thương gia đình, ruột thịt**, là tình yêu thương của cha mẹ dành cho con cái, hay ngược lại, tình thương giữa con cháu và những người họ hàng, huyết thống. Đây cũng là một dạng tình thương do **dính mắc** với quan hệ gia đình, ruột thịt, cho nên mỗi khi có người nào

trong gia đình mất đi, thì những người khác bị đau buồn sâu khổ, luyến tiếc.

-- **Lòng hiếu thảo** là sự tôn trọng tôn kính của những người con dành cho bậc cha mẹ, và nó cũng thuộc về dạng tình yêu thương ruột thịt (*Gehasita pema*) như đã nói trên. Như trong kinh điển đã nói, nó bao gồm rất nhiều việc phải làm trong trách nhiệm hiếu thảo, bao gồm việc **chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ, chôn cất cha mẹ một cách đúng đắn trang trọng** khi họ qua đời, **giữ gia phong** mang danh dự về cho gia đình và **phải lo có con (nam) nối dõi** dòng họ (*theo tư tưởng nối dõi dòng tộc ngày xưa*).

--- Tuy nhiên, về mặt đạo đức và vũ trụ, theo Đức Phật con cái **KHÔNG BAO GIỜ** trả hiếu hết công ơn của cha mẹ, ngay cả khi có đặt cha mẹ trên đầu mình một trăm năm! Vì vậy, Đức Phật đã khuyên dạy những **cách làm thích hợp phải đạo** để đền đáp công ơn cha mẹ bằng lòng hiếu thảo, lòng từ bi và lòng biết ơn trong các “*Kinh Hạnh Phúc*” hay “*Kinh Điềm Lành*” (*Mangala Sutta*) và “*Kinh Lời Khuyên Dạy Cho Sigala*” (*Sigalovada Sutta*).

Nhưng nếu một người khuyến khích, tạo điều kiện giúp cha mẹ **thực hành bồ-thí** và giữ **giới-hạnh** và **thiết lập niềm-tin vào Tam Bảo** và có được sự hiểu biết **trí tuệ**, thì người đó có thể đền đáp được công ơn cha mẹ.

## XVI

### Vui Mừng Hoan Hỷ Với Công Đức Của Người Khác (Tùy Hỷ Công Đức)

(*Pattanumodana*)

Chữ “*Pattanumodana*” là từ ghép của hai từ “*Patti*” (công đức) và “*Anumodana*” (hoan hỉ, ủng hộ, cảm kích, đồng lòng). Vì vậy, chữ “*Pattanumodana*” có nghĩa gốc là: Vui mừng phấn khởi với công đức của người khác; là sự tùy-hỷ công đức.

Còn trong *Chú Giải Bộ Pháp Tụ (Atthasalini)* thì gọi chữ này là “tạ ơn”, “gửi gắm lời cảm ơn”, và định nghĩa chữ này như sau:

“*Sự cảm tạ (hay vui mừng với công đức của người khác) là một căn-bản của hành-động công đức, được hiểu như là sự gửi lời cảm ơn, bằng lời nói “Tốt, làm tốt lắm!” mỗi khi, chẳng hạn, có người khác chia sẻ công đức của họ hay khi họ thực hiện hành động công đức khác”.*

Tâm-nguyện hay tâm-tư (*cetana*) khi được đi kèm với lòng “**tùy hỷ công đức**” (*pattanumodana*) này, và như vậy là sẽ đi kèm với lòng **phấn khởi vui mừng (*mudita*)** vì sự thành công về công đức của người khác, và chánh-kiến, khi một người tán đồng và cùng vui với hành-động công đức của người khác. Qua đó, một người cũng có thể chia sẻ được công đức của người kia. Bằng cách nói “**Lành Thay!**” (*Sadhu!*), thì chúng ta đã gửi lời cảm ơn và tán đồng hành động công đức của người khác, và **làm cho người kia càng thêm hoan hỷ phấn khởi** (vì được đồng viên, tán đồng, chia sẻ). Tâm-nguyện hay tâm-tư đó, khi người đó càng thêm phấn khởi, lại càng củng cố thêm tiềm năng của công đức mà người đó mới



tạo ra. Vì vậy, hành động “vui mừng tùy hỷ công đức” của một người sẽ **mang lại lợi ích cho cả hai bên**: Người làm việc công đức và Người vui mừng tùy hỷ hoan hỷ với công đức của người đó. Phước quả của việc vui mừng tùy hỷ công đức với người làm việc công đức là sẽ được **đẹp đẽ, thành đạt và hỷ lạc** khi tái sinh vào kiếp sau, bởi vì đã vui mừng và động viên người khác làm những việc công đức.

### **Người Bần Tiện Bủ Xỉ Không Bao Giờ Được Hạnh Phúc**

Chuyện trong kinh điển chép rằng: Vua Pasenadi (Ba-tu-nặc) của nước Kosala (Kiều-tát-la) đã có lần dùng một khoản tiền lớn để tổ chức buổi cúng dường Trai Tăng **lớn nhất** cho Đức Phật và Tăng Đoàn. Lúc đó, có hai vị thượng thư (bộ trưởng) của nhà Vua cũng đến dự. Một vị thì rất hoan hỷ vui mừng vì hành động kính Phật và kính đạo của nhà Vua. Một vị kia thì tỏ ra không hài lòng, vì ông nghĩ rằng nhà Vua đã lãng phí một số tiền quá lớn cho ‘những vị tăng lười biếng’ (ý nói không tự lao động để có miếng ăn chỗ ở).

Khi nhà Vua biết được điều này, nhà vua đã trọng thưởng cho vị quan hoan hỷ với công đức của nhà Vua và lưu đày vị quan thiên cận kia vì ông đã không tán đồng với một hành động công đức của nhà Vua. Để nói về hai thái độ đối ngược của hai vị quan, Đức Phật đã đọc bài kệ sau đây cho nhà Vua nghe:

*“Kẻ bủ xỉ không sinh về cõi thiên  
Kẻ ngu không coi trọng giải thoát  
Người có trí hoan hỷ việc cúng dường  
Và sau này sẽ được sinh cõi thiên”*

(Kinh Pháp Cú – Kệ 177)

## XVII

### Sách & Tài Liệu Tham Khảo

- (1) “*The Expositor*” (Chú Giải Bộ Pháp Tụ - “*Atthasalini*”), bản dịch tiếng Anh Pe Maung Tin, Hội Kinh Điển Pali (PTS), London.
- (2) “*The Great Chronicles of Buddhas*” (Đại Biên Niên Sử Những Đức Phật), tác giả Hòa thượng Thiền Sư Mingun Sayadaw Bhaddanta Vittasarabhivamsa.
- (3) “*Sammaditthi Dipani - The Manual of Right Views*” (“*Sammaditthi Dipani*” - Cẩm Nang Về Chánh Tri Kiến), tác giả Thiền Sư Ledi Sayadaw.
- (4) “*The Practice of Giving*” (Thực Hành hạnh BỐ THÍ), tác giả Susan Elbaum Jootla, trong Số phát hành “*Wheel Publication No. 367/369*”.
- (5) *A Dictionary of the Pali Language* (Tự Điển Ngôn Ngữ Pali), soạn giả R. C. Childers.
- (6) “*Buddhist Ceremonies*” (Những Nghi Lễ Phật Giáo), tác giả Thiền Sư Sayadaw Bhaddanta Silanandabhivamsa, Tiến sĩ Văn Chương. In trong “*The Light of the Dhamma*”, Vol. VII, No. 2, 1960.
- (7) “*Tirokutta Sutta in The Five Nikayas, an Anthology of Discourses of the Buddha*” (“Kinh Bên Ngoài Những Bức Tường” trong 5 Kinh Bộ Nikaya, Tuyển Tập Những Bài Thuyết Giảng Của Đức Phật). Bản dịch của Ban Biên Tập Pháp Quang (Editors of the Light of the Dhamma), Cục Tôn Giáo, Yangon, Myanmar 1977.

- (8) “*The Commentary on the Petavatthu*” (Luận Giảng Về Kinh “Chuyện Ngạ Quỷ”), tác giả ngài Dhammapala; Bản dịch của Đại Đức U Ba Kyaw. Hội Kinh Điển Pali (PTS), London, 1980.
- (9) “*Significance of Ancestor Worship by Seema Burman – Article*” (Ý Nghĩa Của Việc Thờ Cúng Tổ Tiên – Tham Luận của Seema Burman), đăng trên trang “[www.festival.indiatimes.com/articleshow/-998323340.cms](http://www.festival.indiatimes.com/articleshow/-998323340.cms)”.